Năm thứ nhất.— Số 10 Thứ sáu 8 Août 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Trước khi âu-hóa, việt-văn đã có nhiều cái ám-hợp với pháp-văn — *Hoa-Bằng*

Dạng-bản văn-pháp (IV) — *Đào-duy-Anh*

Sứ-bộ Tây-ban-nha sang Việt-Nam — *Khuông-Việt*

Phê-bình « Tùy bút » — *Hội-thống Vũ-văn-Lợi*

Thành Thăng-long với cuộc đổi thay (có vẽ bản đồ) — *Biệt-lam Trần-huy-Bá*

Toán giặc Hoàng-sùng-Anh bị thiêu sống trong một hang đá — *Tiên-Đàm*

Chén tân-khổ nhắp ngôn mùi chính-khí : Ngô-tòng-Chu — *Nguyễn-Triệu*

Lũy Đồng-hới (II) — *Nhật-Nham*

Bà Quận Mỹ (IX) — *Chu-Thiên*

Việt-nam văn-học sử (VI) — *Hoa-Bằng*

Vì đâu Phượng rẽ, loan chia (chuyện thơ) — *Song-Cối*

Tùy hứng, Thời-đàm, vân vân . . .

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Trước khi âu-hóa, việt-văn đã có nhiều cái ám-hợp với pháp-văn.

CÂU « nôm-na là cha mách-qué » đối với thời xưa đã tràn ngập hầu khắp các óc nhà nho. Họ, phần rất nhiều hay coi khinh tiếng mẹ đẻ, nên khi viết, họ thường viết hán-văn từ một bức thư cỏn-con đến một bài văn rung đùi, đắc-ý. Cái hiểu - thượng sai-lạc ấy đã đẩy việt-văn vào địa vị phụ-thuộc, chậm tấn-tới.

Cái bịnh « nguy-hiểm » ấy, mươi năm đây về trước — hồi sách báo quốc-văn chưa thịnh-hành — cũng lây sang mạch máu mấy nhà tây học : Từ mấy câu chuyện đầu lưỡi đến một mẩu phô-bày ý-tưởng tầm-thường, họ cũng sinh nói tiếng tây, sinh viết văn tây, mặc dầu lời nói, câu văn của họ « không tây » một chút nào !

Việt-văn—món phô-bày bằng tiếng mẹ đẻ của chúng ta — trải qua một thế-hệ cũ và đầu thế-hệ mới này đã bị hắt-hủi, ghẻ-lạnh, khinh-khi, rẻ-rúng !

Nào có biết văn-việt có nhiều cái đặc sắc đáng quý-báu, đáng tự-hào, đáng biểu-dương.

●

Văn ta cũng có những lối bóng-bẩy về ngữ-phạm. Những lối này, nếu ta nhận kỹ, sẽ thấy chẳng khác gì văn tây : cũng đảo lộn thứ-tự những chữ dùng trong một câu, cũng trốn bớt những tiếng chỉ làm trùng-điệp vô-ích, cũng đặt thêm được những tiếng tuy không ích về ý nghĩa, nhưng thêm mạnh cho câu văn...

Trong văn ta, trước khi âu-hóa, đã có những lối này :

Tường đông ghé mắt, ngày ngày hằng trông.

Thế nghĩa là ngày này ngày khác, Kim-Trọng cứ buông mắt qua bức tường xây ở phía đông mà trông sang nhà hàng xóm Đó tức là lối *inversion* trong văn tây

Lại như :

Hỏi nhà, nhà đã dời xa ;
Hỏi Vương-Quan với cùng là Thúy-Vân.
Cũng đều sa-sút, khó-khăn,
May thuê, viết mướn, kiếm ăn lần-hồi !

Tác-giả Nguyễn - Du đã khéo « trốn » được ba tiếng chủ-nghĩa ở đầu ba câu trên, nên làm cho câu văn được hoạt-động và không rườm lời, nhưng vẫn rõ nghĩa. Nếu viết :

Chàng *hỏi nhà, nhà dời xa* ;

Chàng *hỏi Vương-Quan cùng là Thúy-Vân.*

Họ *đều sa-sút, khó-khăn...*

Thì sao gọi là *văn* được nữa ?

Về lối *ellipse* này, việt văn rất sở-trường. Vì ta xưa học toàn lối văn-ngôn Tàu, — một lối văn vì quá vắn-tắt làm cho không rõ ý đến nỗi sau phải nhường chỗ cho lối bạch-thoại — nên văn ta, nhất là văn các cụ xưa, rất quen dùng lối rút bỏ chủ-ngữ, hay động-từ, hay túc-từ.

●

Lối bóng-bẩy về lời, văn ta, có thể nói, cũng phong-phú lắm.

Văn ta cũng có những lối *métaphore* giống văn pháp, như : Mặt *sứa* gan *lim*, và « trước hàm *sư tử* gửi người *dằng-la*. »

Trong lối *métonymie*, ta cũng có khi lấy *nhân* để chỉ *quả* hoặc lấy *quả* để chỉ *nhân*.

Cử lệ : *Lưu-Linh*, chỉ về *người nghiện rượu* ; thần *Hồi-lộc*, chỉ về *hỏa-tai* ; ả *phù-dung* chỉ về *thuốc phiện*...

Lại có khi nói cái *đồ chứa* để chỉ vật *chứa* : Bạn với *bê lọ* tức là bạn với *rượu*.

Hoặc dùng dấu-hiệu để chỉ sự vật : *ngai rồng* thay cho *ngôi vua* ; *trâm anh* thay cho *khoa hoạn* ; *khố bện* hoặc *khố rách* thay cho hạng *cùng dân nghèo khổ*...

●

Đến lối bóng-bẩy về ý-nghĩa, văn ta cũng giàu lắm.

Về lối dùng điển, riêng trong cuốn kiều của cụ Nguyễn Du, ta đã thấy nó giúp cho câu văn được gọn gàng hơn, sâu sắc hơn.

Lối văn cổ của các cụ xưa rất hay dùng điển tích. Gần đây, vì hán học ngày một tàn tạ, ít người nhớ điển tích trong các sách tàu, nên các lối dùng điển tích này bây giờ ít thấy trong sách báo quốc văn.

Lối tỉ hiệu, trong văn ta, nhất là phong dao, tỏ ra ở xứ ta có cái « thổ-ngơi » rất thích-hợp cho nó sinh-trưởng :

Đấy vàng, đây cũng đồng đen ;
Đấy hoa sói trắng, đây sen Tây-hồ.

Nếu kể đến lối nói khảy, nói riễu, thì ta phải suy-tôn Phong-dao đã đóng được vai trào-phúng rất tài tình :

Anh-hùng là anh-hùng rơm !
Ta cho mó lửa, hết cơn anh-hùng !

●

Nhiều người cho rằng chính phái văn mới đã « nhập-cảng » cái *tính cách tây* vào văn việt, Không, không phải, đầu óc nào kém suy-xét, mới nhận lầm như thế.

Quả thật, từ khi Đông Tây gặp nhau, việt-văn có chịu ảnh-hưởng của văn chương pháp nhiều lắm : cái đó tôi xin công nhận. Nhưng, trước khi âu-hóa, văn ta vẫn nhuộm một màu-sắc xứ-sở, thế mà nhiều cái ám-hợp với văn tây, chẳng qua ít ai nhận thấy đó thôi ! Thì đây :

Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da !

và :

Chén tân-khổ, nhấp ngọn mùi chinh-khí.

Lại như !

Cha đời cái Áo rách này,
Mất chúng, mất bạn vì mày, Áo ơi !

Nay nếu quên rằng những câu ấy là cũ, thì ai không bảo cái lối đặt *lửa cơ, dao hàn, chén tân khổ* và *vì mày Áo ơi* đó là ta đã mô-phỏng văn tây ? Nhưng thực ra, nó chỉ là

HOA-BẰNG

Xem tiếp trang 8

Sứ-bộ Tây-ban-nha sang Việt-Nam

CÔNG của người Tây-ban-nha trong việc gây-dựng đế-quốc Pháp ở Nam kỳ không phải nhỏ.

Năm Mậu-ngọ (1858), nhân việc hai ông cố-đạo Tây-ban-nha bị khổ-nhục ở Bắc-kỳ, thủy-sư đô-đốc Rigault de Genouilly cầm đầu liên quân Pháp-Tây đánh chiếm Cửa Hàn ngày 24 tháng 7 (1er Septembre). Về sau, trong trận hạ thành Sài gòn ngày rằm tháng giêng năm Kỷ-mùi (17 février 1859) và trận đánh úp đồn Chí-hòa trong hai ngày rằm và 16 tháng giêng năm Tân-dậu (24-25 février 1861), quân sĩ Tây, dưới quyền chỉ-huy của đại-tá Palanca, đã lập được chiến-công rực-rỡ. Nhưng đến khi ký hòa-ước ngày 9 tháng 5 năm Nhâm-tuất (5 Juin 1862), nước Tây-ban-nha lại không chịu chiếm lấy khoảnh đất nào, chỉ chia số tiền quân-phí bồi-thường 4 triệu bạc và hưởng vài đặc-quyền về việc truyền-giáo và thương-mại.

Từ đó về sau, sự giao-thiệp giữa hai chánh-phủ Việt, Tây không có điều chi đáng để ý, ngoài việc đại-tá Palanca thay mặt nữ-vương Isabelle đến Huế triều-kiến vua Tự-đức ngày 29 tháng 2 năm Quý-hợi (16 Avril 1863) và cuộc hành-trình của sứ-bộ Phan-thanh-Giản sang đáp lễ tận kinh-đô Madrid, trong tháng 10 năm Qui-hợi (Novembre 1863).

Im bặt đến mười lăm năm sau, « sợi giây » giao-thiệp ấy mới chắp-nối lại. Năm Kỷ-mão (1879), có tin chính-phủ Tây cử ông Don Melchar Ordonez làm sứ-thần sang Việt-Nam điều-đình một thương-ước.

Ông Don Melchar Ordonez là trưởng-tư quan toàn-quyền xứ Phi-luật-tân, thuộc-địa Á đông của Tây-ban-nha. Ngài là một nhân-vật có tiếng-tam và rất đặng kính mến tại kinh-đô Manille của Phi luật-tân. Khi đang đặc-cử làm sứ thần, ngài đang ở tại kinh-thành Madrid.

Chính-phủ Tây lại phái chiếc thông-báo-hạm «Marques del Duero» đưa sứ-bộ Ordonez sang Việt-Nam.

●

Trong hai năm Đinh-sửu và Mậu-dần (1877-1878), trước khi sứ bộ Ordonez được cử sang Việt Nam, lãnh sự Tây ở Saigon là ông Soulère đã tự tiện thương-lượng một thương-ước với xứ Cao miên. Sau ông mới được lịnh của chánh phủ cho phép ông chánh-thức tiến hành cuộc thương-thuyết ấy. Nhưng hai vị thủy-sư đô-đốc Duperré và Lafont kế-tiếp nhau làm thống-đốc Nam-kỳ ngỏ ý không vui lòng về việc ấy.

Trái lại, thủy-sư đô-đốc Duperre sẵn lòng để cho lãnh-sự Tây được tự-do giao-thiệp với Nam-triều đặng ký thương-ước, miễn là không vượt ngoài phạm-vi của hòa ước 15 Mars 1874. Theo điều-khoản thứ ba của hòa-ước đó, thì nước Việt Nam còn đặng trọn quyền ký thương-ước với bất cứ một nước nào, nhưng phải giữ không được phạm đến quyền-lợi của nước Pháp, hoặc trái-nghịch với bổn thương-ước đã ký ngày 31 Août 1874 với nước Pháp. Ngoài ra chánh-phủ Việt-Nam còn cần phải thông-cáo cho chánh-phủ Pháp biết trước tất cả những cuộc thương lượng có một tánh-cách ngoại-giao

Bị cản-trở trong sự giao-thiệp với Cao-miên, nước Tây-ban nha mới quay về phía Việt-Nam và nghĩ đến việc thương-mại của hai nước nhất là vấn-đề mua bán thóc gạo giữa Phi-luật-tân với Bắc-kỳ và vấn đề đem nhân-công Việt Nam sang đảo Cuba, một thuộc-địa của Tây ban-nha về bên Tân thế-giới

Sau khi đã thu-xếp xong với chánh-phủ Pháp ở bên chánh quốc, sứ bộ Ordonez mới đang lịnh sang Việt-Nam.

Chiếc thông-báo hạm «Marques Del Duero» đến bến Saigon vào trung tuần tháng sáu năm Kỷ-mão (Août 187

●

Sứ bộ Ordonez vừa đặt chân lên đất Nam kỳ, các giới người Pháp đều tỏ ý lo ngại cho quyền lợi của mình và đặc biệt chú ý đến hành-động của sứ-bộ.

Ông Henri Viénot, chủ bút báo «*Independant de Saigon*» đã được vững lòng khi nghe sứ thần Ordonez tuyên bố rành-rẽ mục đích và quyền hạn của sứ bộ Theo ông thì chánh phủ Tây không khi nào nghĩ đến việc gây ra những sự khó khăn, rắc rối cho chánh phủ Pháp; trái lại chánh phủ Tây chỉ muốn hành-động thỏa thuận với nước Pháp đặng giữ nguyên vẹn tình bằng-hữu của hai nước đã có từ lâu và là cột trụ của chính sách hai nước ở các xứ cận Đông này. Quyền hạn của sứ bộ chỉ thuộc về thương-mại và sứ bộ sẽ đặng thành công là khi nào có chánh phủ Pháp ưng thuận

●

Những lời tuyên bố của sứ-thần Ordonez đã làm nguôi lòng các giới người Pháp ở Saigon Tuy vậy, nhơn không muốn mất lòng chánh-phủ Pháp và cũng do theo lịnh bên chánh quốc, sứ thần Ordonez có trình cho quan thống đốc Nam-kỳ xem xét trước những dự bị bổn thương-ước mà nước Tây-ban-nha định kỳ kết cùng Việt Nam. Những dự bị ấy, sứ-bộ Tây đã dày công thảo luận cùng lãnh-sự Việt-Nam ở Saigon là ông Nguyễn-thành-Ý.

Quan thống đốc Nam-kỳ có mời sứ-bộ Tây hội-đàm và xin sửa đổi vài khoản trong bổn thương-ước có thể phạm đến quyền lợi của người Pháp. Đến những điểm mà đôi bên không đồng ý kiến thì phải đánh điện về chánh quốc hỏi và do hai chánh phủ Pháp Tây giải-quyết.

Bởi vậy, vào hạ tuần tháng 9 năm Kỷ mão Octobre 1879), khi sứ bộ Tây xuống tàu «Marques Del Duero»

KHUÔNG VIỆT

Xem tiếp trang 21

Đọc

« TÙY BÚT »
hay là «Thi-vị cuộc sống»

ÔNG Nguyễn-Tuân vốn có tâm-hồn một nhà thi-sĩ, nên « chỉ muốn sống với cảnh đẹp... chỉ muốn lòng... sớm chiều đều rung động một điệu nhẹ-nhõm vui vẻ». Và ông muốn mọi người đều « say sưa trước cuộc sống»,nên mới xuất bản tập « *Tuy-but* », mà trôi nhất là « *Một lá thư khong gửi* » (nhưng đã đăng ở tạp-chí Tao Đàn, dưới cái đề « *Them đi* » và « *Đẹp lòng* ».

Độc giả chắc cũng như tôi, ai lại không muốn thay thực-đơn cho dạ dày ? Cứ ở mãi một nơi, theo ý tác-giả, « sẽ bèn trong tình yêu—yêu, hiểu theo nghĩa rộng— và trở nên nhút nhát và ghẻ lạnh trước cuộc sống ». Chính ông Nguyễn-Tuân nhận rằng « *bệnh du-lich* » đã truyền vào người ông « không phải ở phía mẹ, mà ở phía cha » Nhưng không phải ai muốn đi du-lịch cũng được đâu : dư thì giờ chưa đủ, phải « thèm đi » nữa ! Biết bao kẻ thật là giàu có, mà suốt đời có « biết đó, biết đây » là cái gì đâu? Trái lại nhiều người còn « thèm đi » hơn ông Nguyễn-Tuân nữa kia, mà rút cục vẫn phải chôn chân một chỗ, sống một cuộc đời mòn mỏi trong sự đợi chờ một cái gì mới mẻ, mà than ôi, không bao giờ thấy đến ! Nguyên-nhân ? Chỉ vì trong tay không sẵn đồng tiền. Thế mà ngày xưa đã có người dám nói rằng tiền bạc không tạo nên được hạnh phúc ! Hay chỉ tại không biết dùng đồng tiền cho phải cách? Nhưng dẫu sao, « đi » không phải « là chết trong lòng một ít ». Chúng ta đều chết dần từng giờ, phút một (chaque instant de la vie est un pas vers la mort. — Corneille).

Có người đi xa vì sinh kế bắt buộc, có kẻ đi xa du-học, để cầu chút công-danh ; cũng có khi đi xa để mưu cuộc hòa-bình cho thế-giới. Nhưng « đi », đối với tác-giả, « là hình thức tốt đẹp nhất của thoát ly. Thoát ly khỏi cái tủn mủn của cuộc sống hàng ngày ; khỏi phiền phức của sự an bài, để trốn cái trơ trẽn của người cũ». Không phải là không có một phần sự thực trong câu nói đó. Nhưng phải cần nhiều can đảm, phải biết yêu đời, mới chịu đựng được những cái tủn mủn ấy. Đi, chỉ là một thái độ tiêu cực. Tôi không đồng ý với Baudelaire, vì « đi để mà đi » (... Mais les vrais voyageurs sont ceux là seuls qui parient pour partir ; tác giả đã đan-cử ra trong « *Một lá thư không gửi* ») chỉ là một cái *bệnh khó chữa* (bougeotte), « ở không yên chỗ, ngồi không vững vàng»! Ở dưới trời Âu, Mỹ, rất nhiều người (phần nhiều người là giầu có, cố nhiên !) mắc phải cái bệnh ấy : quanh năm suốt tháng, họ không làm được việc gì ích lợi ; chỉ giết thì giờ bằng cách đi hết chỗ này sang chỗ khác, không mục đích. Thật là một hạng người thừa !...

Đọc « *Đẹp lòng* », chúng ta đã «thấy trong chốc lát cái thi vị của cuộc sống » vì hôm ấy-một ngày trong chuỗi ngày — « một ngày có thể gọi là đẹp trong những ngày vui đẹp» tác giả « đang vui sống », cũng chẳng biết tại sao nữa? Nhưng độc-giả sẽ kinh ngạc khi thấy ông Nguyễn-Tuân hạ bút viết một cách thật táo bạo: «... vui sống, vui đến nỗi cảm thấy cái vô dụng của mọi cuộc cách mệnh xã-hội trên thế giới. Và tính cách vô bổ của mọi thứ Tôn-giáo lúc này lại càng rõ rệt (?) quá ! ... »

Thật là giản-dị đến cực-điểm. Có lẽ buổi sáng hôm ấy, giờ ấy, phút ấy, óc ông Nguyễn Tuân « rỗng tuếch », hay ông ích-kỷ quá ; thấy đời « vui, đẹp » (người vui, cảnh có buồn đâu bao giờ ?), ông vôi tưởng ai ai cũng « đang vui sống » như mình, thiên-hạ đều sống những ngày vui, đẹp, bình-thản, không có chuyện gì cả. Sự thực đâu có thế. Tôi chưa từng thấy ai vui đến nỗi « cảm thấy cái vô-dụng, v... v... Họa chàng bây giờ mới có ông Ân-ngũ-Tuyên là một.

Nhưng oai-oăm thay ! hôm khác, không đẹp lòng như hôm đó, tác-giả lại cho rằng « sống, quả đã là một sự gẫng-gỏi... » (*Gió đã lên*), hay, vì một sự tức-giận cỏn con, than-phiền rằng đã mất một buổi mai, tuy buổi mai đó, giời vẫn tươi, đẹp như mọi ngày.

Cứ gì hôm nào đẹp lòng mới « huýt sáo gió . . . , hát tây . . . , ngâm thơ tàu cổ... » Cuộc sống, tự nó là một kiệt-tác rồi. Vui vẻ mà sống. Đời đẹp lắm : ngày nào cũng đẹp như ngày nào ; thời khắc nào mà không đáng giá ngàn vàng ? « Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi... ? »

Đời ta có thể ví như tờ giấy trắng ; bút, mực là các tinh-tú trên bầu trời bao-la, bát-ngát, là

Hội-Thống VŨ-VĂN-LỢI

Xem tiếp trang 8

Thành Thăng-Long với cuộc đổi thay

Có kèm mấy bức bản đồ cổ kim để tiện kê cứu

Số 1

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

THÀNH Thăng-long tức là Phượng-thành đời cổ, ở vào trong khu-vực thành Đại-la. Đời Tràng-khánh nhà Đường năm thứ tư (824), Lý nguyên-Gia làm quan đô-hộ, thấy phủ-thành có nghịch-thủy, sợ có nhiều người hay sinh ra ý bội-phản, nên bỏ Phượng-thành, dời phủ-trị ra gần sông Tô-lịch, lập ra một thành nhỏ.

Khoảng năm Đại-trung (847-859), Vương-Thức sang làm đô-hộ, cho giồng nhiều cây vải xung quanh để làm lũy, bên ngoài giồng rất dày các thứ tre gai, nên gọi là Trúc-thành.

Năm Hàm-thông thứ tư (863) Cao Biền làm tiết-đô sứ quân Tĩnh-hải, chiếm cứ phủ thành, rồi đắp ra thành Đại-la.

Đời Lý gọi là Thăng-long ; đời Trần gọi là Trung-kinh ; đời Hồ gọi là Đông-đô ; hồi Minh thuộc gọi là Đông-quan ; đời Lê gọi là Đông-kinh ; đời Quang-thuận nhà Lê lại gọi là Trung-đô. Đến bản triều, đời

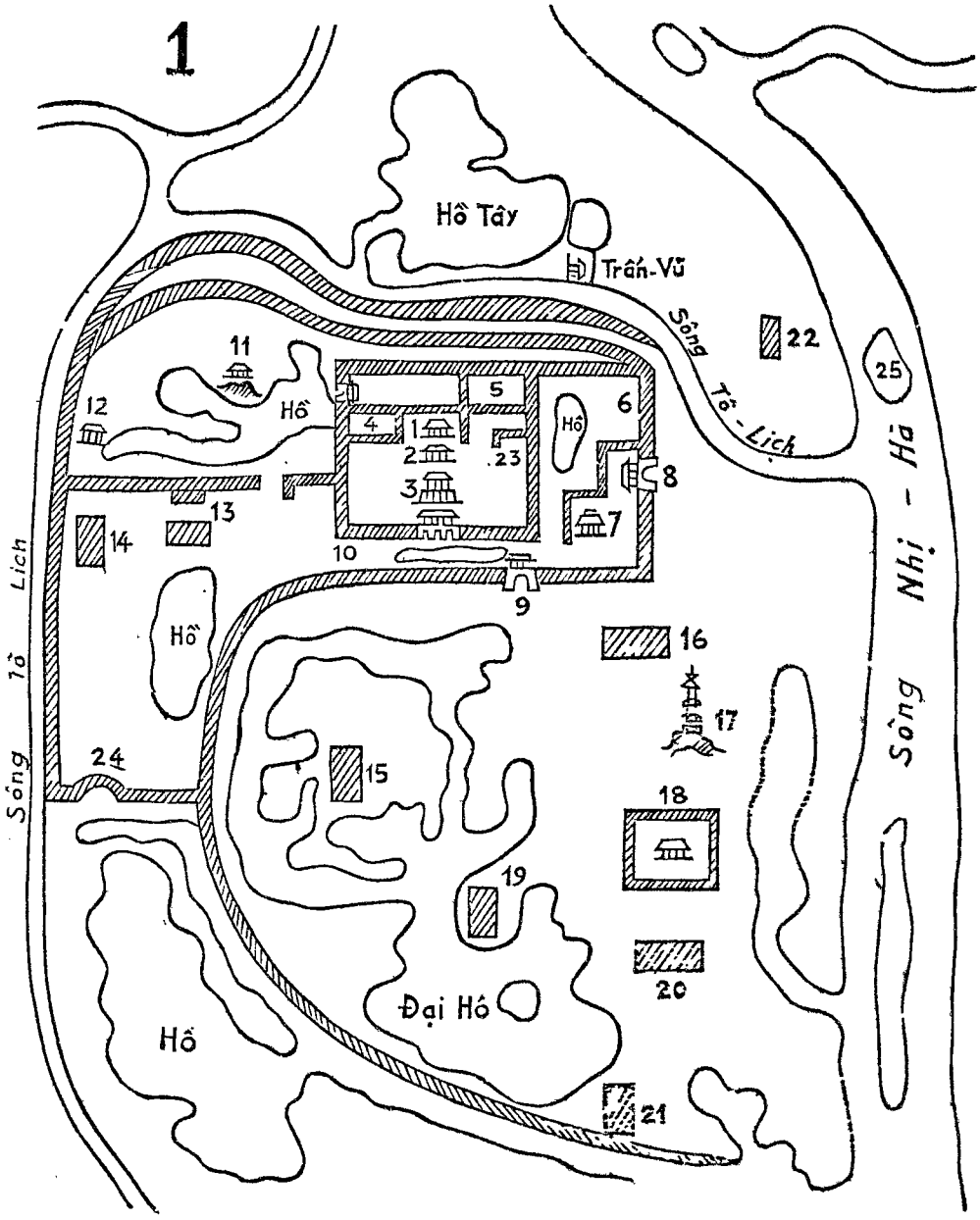

Bản đồ số 1 — 1 Điện Kính-thiên. 2 Điện thị triều. 3 cửa Đoan môn. 4 Điện Chí kính. 5 Điện Văn-thọ 6 Đông kinh. 7 Nhà Thái miếu. 8 Cửa Đông môn. 9 Cửa Đông-tràng an. 10 Cửa tây tràng an. 11 Chùa khán sơn 12 Đền Linh lang. 13 Điện Giảng vũ. 14 Trường Hồ-thi. 15 Trường Quốc tử giám. 16 Phủ ly Phụng thiên. 17 Tháp bảo-thiên. 18 Phủ Trịnh vương. 19 Tòa Tư thiên-giám. 20 Huyện ly Thọ xương. 21 Điện nam giao. 22 Huyện ly Quảng đức. 23 Ngọc-hà 24 Cửa Bảo khánh 25 Bãi Cơ-xá.

Gia-long đổi chữ *long* là *rồng* làm chữ *long* là *thịnh*, gọi là « Thăng-long ». Năm Minh-mạng thứ 12 (1831) đổi làm tỉnh Hà-nội, nên gọi là tỉnh-thành Hà-nội. (Xem bản đồ số 3 và 4) in trong số sau.

Thăng-Long dưới triều Lý

Tháng bảy năm Canh-tuất (1010) Thuận-thiên nguyên-niên, vua Lý-Thái-Tổ thiên độ từ thành Hoa-lư ra thành Thăng-long. Vua sai đắp thành-trì ngay ở trên chỗ Phượng-thành ngày trước và lập ra các cung điện. Ở giữa có điện Càn-nguyên, hai bên tả hữu có điện Tập-hiền, điện Giảng-vũ. Thảy đều

Xem tiếp trang 8

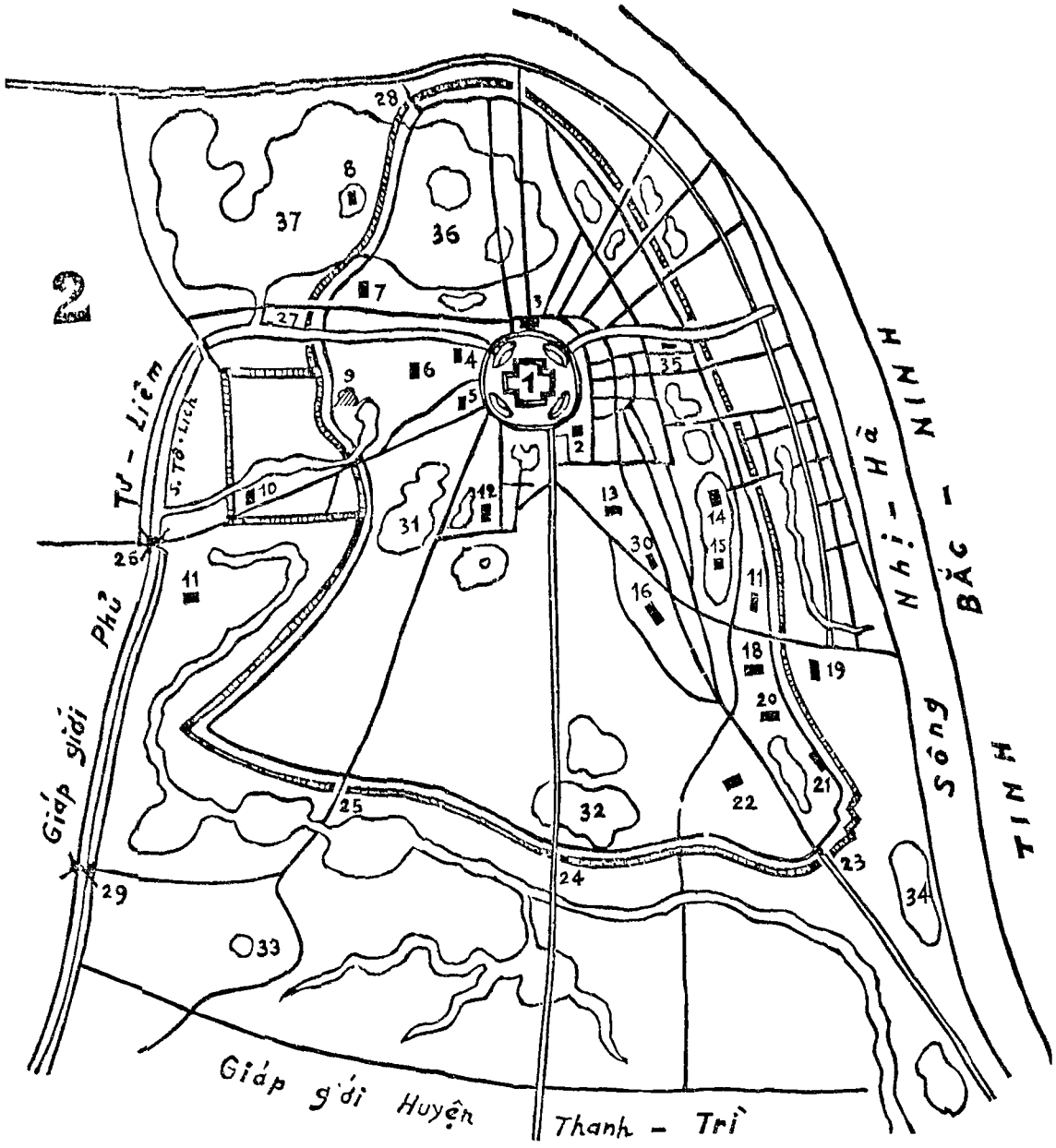

Bản đồ số 2. — 1 Thành nội Hà nội. 2 Nhà quán thiếp. 3 Trường nuôi ngựa voi. 4 Đình hội đồng. 5 Chùa Nhất trụ. 6 Miếu Thành hoàng. 7 Đền Trấn vũ. 8 Chùa Trấn bắc. 9 Nui Sư sơn. 10 Đền Linh lang. 11 Chùa An-lãng. 12 Đền vàn miếu. 13 Huyện ly Thọ xương. 14 Đền Ngọc sơn. 15 Hồ hoàn kiếm 16 Trường thi. 17 Chùa liên trì. 18 Trường đúc tiền. 19 Đồn thủy. 20 Chùa hàm long. 21 Sở dưỡng tế. 22 Đền hai bà. 23 Ô Lương yên. 24 Ô Kim liên. 25 Ô Thịnh hào. 26 Ô Cầu giấy. 27 Ô Thụy chương. 28 Ô Yên phụ. 29 Cầu Nhân mục, 30 Chùa bảo-thiên. 31 Hồ tú uyên. 32 Hồ bảy mẫu. 33 Đống đa. 34 Bãi đồng-nhân. 35 Đình Hội quán. 36 Hồ trúc bạch. 37 Hồ tây.

TÙY HỨNG

Nhạn trong sương

Tôi buồn lặng dạo cánh đồng quê,
Mải ngắm thôn xa chẳng tưởng về.
Bỗng quạ kêu vang trong khoảng-dã,
Giật mình thức tỉnh mảnh hồn mê.

Thì đây quán nước một bên đường,
Bà lão nhìn tôi vẻ mến thương :
— « Cô đẹp, sao cô buồn ủ-rũ ? »
Mỉm cười, tôi ngắm nhạn trong sương.

NGÂN - GIANG

●

Bến đò xưa

Mấy hàng lau yếu xôn-xao
Mỗi khi tay gió rì-rào lách qua.
Bao nhiêu rêu đã xóa mờ
Những hàng đá ghép bên bờ sông con.
Quan xưa đón khách đâu còn ?
Nắng chiều lặng lẽ dăng buồn quanh cây !
Ta mơ nhớ lại bao ngày :
Thuyền chen chật bến, nan đầy khách qua...
Mà nay im lặng như tờ !
Còn đâu là bến đò xưa rộn ràng ? ? ?

BẢO - VÂN

●

Tự thuật

Mãn mục vân song câu thị lạc,
Nhất hào vinh nhục bất tu khinh.
Nhân sinh vui thú tinh tinh,
Thu Nam, Bắc, Tây, Đông về một túi :
Khi Phủ-lý, khi Lao-kay, khi Hưng-yên,
khi Hà-nội,
Lại có khi thắng-cảnh, danh-lam,
Ngoài nghìn dặm, thú sơn-thủy mê man ;
Rong vó kỳ giao-du đà thích chí !
Chẳng kim-mã, ngọc-đường cũng phỉ !
Giữ mọt niềm trung hiếu : phận con con !
Còn trời, còn nước, còn non ..

NHẬT - NHAM

●

Đề miếu Trưng-Vương ở Hạ-lôi

(Yên-lãng, Phúc-yên)

Nguyên-văn chữ hán của Nhã-am
Nguyễn-Văn-Trinh tiên-sinh

TƯ THU, CÔNG NGHĨA LƯỠNG PHÂN MANG !
TỈ MUỘI OANH-OANH TỐ NHẤT TRƯỜNG...
TIỂU THÍ BINH UY, TRỪ HÁN THÚ ;
ĐẠI KHÔI QUỐC-THỐNG KẾ HÙNG-VƯƠNG :
CHƯ THÀNH ĐỐN CẢI SƠN HÀ SẮC.
NGŨ LĨNH TRÙNG-KHAI NHẬT NGUYỆT QUANG !
HÁCH HÁCH HẠ-LÔI DI MIẾU TẠI ;
QUẦN-THOA DO TÚC NHIẾP THÙ PHƯƠNG

Thù riêng đã bộn, lại hờn chung !
Oanh liệt cùng em, chị vẫy vùng...
Tạm thử oai binh, trừ giặc Hán ;
Keo về nghiệp nước, nối vua Hùng.
Giang-sơn tô lại màu hoa gấm
Nhật nguyệt soi bừng cảnh núi sông.
Làng cũ, miếu xưa đầy rực rỡ...
Phương xa đủ khiếp gái tiên rồng !

SONG - CỐI dịch

Thành Thăng-Long

có sân rồng gọi là Long-tê. Phía sau điện Càn-nguyên lập ra điện Long an và đ ện Long-thụy, có hai cung gọi là Thúy-hoa và Long-thụy, để cho các cung-tần ở. Có kho tàng và miếu thành-hoàng. Xung-quanh thành có bốn cửa : Cửa Nam ở đằng trước gọi là Đại-hưng môn, cửa Đông gọi là Tường phù môn, cửa Bắc gọi là Quảng-đức môn, cửa Tây gọi là Diệu-đức môn. Ở trong thành còn lập ra chùa Thiên-ngự, chùa Van-tuế và cung Thái-thanh để thờ phật nữa.

Tháng tư mùa ha nam Nhâm-tí (1012) có sửa lại đ ện Long-an và điện Long thụy.

Tháng mười năm Giáp dần (1014). có đắp lại thành đất của thành Thăng long.

Tháng sáu mùa hạ năm Kỷ-Tỵ (1029) niên h ệu Thiên-thành thứ hai đời Lý Thái-tông bỏ đ ện Càn-nguyên, lập đ ện Thiên-an, hai bên tả hữu có l p hai điện gọi là Tuyên-đức và D ên phúc, phía đông phía tây lại lập hai đ ện gọi là Van-minh và Quảng vũ, có gác chuông · phía trước lập đi n Phụng t ên, phía sau lập điện Trườ g-xuân, bốc bề xây tường gọi là Long-thành.

Đến mùa xuân năm sau (1030), lập điện Thien khánh để làm nơi thinh chính, kiểu làm nối bát-giác, trước sau đều có cầu gọi Phượng-Hoàng kiều Đắp thành nội gọi la thành Long-phượng

Năm ất-tị (1126) Thiên-phù Duệ-võ thứ 7, lập điện Sung-dương.

Năm đinh vị (1128) Thiên-thuận nguyên niên, lập cung Cảnh-linh.

Năm Ất-hợi (1155) Đại-định thứ mười sau, lập cung Lệ-th ên.

Tòa soạn và tỵ Trị-sự của Tri-Tân

Để tiện t ếp các bạn mỗi khi có việc giao thiệp vơi Tri-Tân, Tri-Tân, tư n y, hợp Tòa soạn và ty Trị-sự vào một chỗ. số *195, Phố Hàng Bông* là nội. Vậy xin các bạn nhớ cho. Đa tạ Thư và ngân-phiếu, xin cứ theo địa chỉ trên, gửi cho ông Nguyễn tường-Phượng. — T. T.

SỬ-LIỆU SONG

Dưới tay Ích-Khâm tướng-quân, toán giặc Hoàng sùng-Anh bị thui sống trong hang đá

NIÊN-hiệu Tự-đức thứ 22 (Kỷ tỵ, 1869), có nh ều giặc Tàu sang nước ta, trong số ấy có giặc Ngô-Côn là lợi hại hơn cả.

Tướng Ngô Côn cùng hai tùy-tướng là Hoàng sùng Anh và Lưu vĩnh Phúc kéo quân lên hạ thành Bắc-ninh. Triều đình sai Tiễu phủ sứ là Ông Ich-Khiêm sang phản-công tỉnh Bắc-ninh, lấy lại được thành. Ngô Côn bị tử trận, còn hai tùy tướng là Hoàng sùng Anh và Lưu vĩnh Phúc bỏ chạy lên miền thượng du, hoành-hành tàn-phá, dân gian rất cực khổ!

Sau quan Tuần phủ Hưng hóa dụ được Lưu vĩnh Phúc ra thú. Còn Hoàng sung Anh (lấy hiệu Cờ vàng) không chịu ra thú, nên Ông Ich-Khiêm phải tiến tiễu và nghĩ mưu mời phá được

Trước hết ông sai dân đưa biếu nó trâu, bò, gạo, rượu, ga, vịt... Nhân đói khát lau ngay, nay lại có những món ăn ngon, quân g ặc mở hop lại ăn tiệc ở trong một hang đa, thuộc Đoan-hùng, Hưng hoa.

Nhưng, trước khi giặc đến hang ấy, ông Ich-Khiêm đã ngầm sai đặt dầu, củi và thuốc sung rất nhiều. Rồi, nhân khi quân giặc no say, quân Triều-đình ập đến bắn sung vào các thư dẫn hoa; thuốc sung bắt lửa, nổ chay. Hau hết quân giặc bị chết trong hang, chỉ có một ten tỳ tướng Cờ vàng (ten nay mình cao 12 thước ta, hung-han lạ thường, hay bắt dân giết ma ăn thịt) và ít quân chạy được. Nhưng sau quan Tuần-phủ Hưng-hoa lại sai viên cai-đội là Nguyễn đình-Trạc đem thủ-hạ chui qua rừng, trèo núi, theo mãi đến Lai-châu, mới bắn chết được.

Sau trận hỏa công này, Ông Ich-Khiêm được vua Tự-đức ưy-lạo, viên cai đội Nguyễn đình-Trạc được thưởng 12 lang bạc và thăng hàm ngũ-phẩm cai đội. Tiên-Đàm

Trước khi âu-hóa, việt văn đã có nhiều cái ám-hợp với pháp - văn

Tiếp theo trang 2

những món cố-hữu của văn việt. Gần nay người ta đặt *«sa-mạc nhớ-thương »*, *« cạn chén cay đắng »*.., chẳng qua chỉ là suy rộng những cái cố-hữu của văn ta.

●

Việt-văn ! Một món quốc-bảo của chúng ta ! Nó có nhiều cái đặc-sắc và sở-trường chẳng kém gì văn tàu, văn pháp. Cứ cố rèn-luyện cho nó tiến theo thời-gian, tôi tin, nó sẽ có thể đem lại cho ta những kết-quả rất tốt-đẹp, rất rực rỡ.

Công-việc gây-dựng quốc-văn ấy đương và sẽ chất trên vai chúng ta cùng con cháu chúng ta. (1)

HOA-BẰNG

(1) Trong bài này có mấy danh từ về văn học, tôi cứ để nguyên văn chữ pháp, chứ không viết theo những tiếng tàu đã dịch, là cốt để tiện việc so sánh và để độc giả đọc đến thì thấy nghĩa ngay.

Tùy bút

Tiếp theo trang 4

hoa, cỏ, nước non, là cảnh, vật, người, chung quanh ta. Bút, mực tung-hoành, ghi lên trang giấy, bài văn có giá-trị hay không, vui hay buồn, thâm-trầm hay nông-nổi, là do ở ta cả. Đừng đổ tại bút cùn, mực cạn !

Tóm lại, tạo-vật đẹp thì có đẹp thật, nhưng vốn vô-tình. Lãnh-đạm đến tàn-nhẫn. Thế cho nên khi ở nhà hay đi du-lịch, dù ở xứ nóng hay xứ lạnh, trời nắng cũng như trời mưa, nhiều tiền hay ít, ở hoàn-cảnh nào, gặp trường-hợp nào cũng vậy, cái ý nghĩa cuộc đời, cái thi-vị cuộc sống, không phải tìm ở đâu xa ; chính ở trong lòng ta vậy.

Hội-Thống, VŨ-VĂN-LỢI

Dai-thoại làng văn

I. - «Tướng» đối với «Công»

MỘT Công-tử nọ, con một vị Tướng-quân đã quá cố. Tiền bạc tuy giàu nhất vùng, mà văn-tự thì lại nghèo hơn ai hết. Song, nghề đời, anh nghèo rớt thường hay làm ra vẻ giàu sụ, nên Công-tử con quan Tướng-quân đây thường muốn làm ra vẻ văn-nhân.

Một hôm, Công-tử cố nghĩ lấy một câu đối để thờ mẹ. Vế trên đã xong, ngâm nga kêu như chuông. Công-tử dương dương tự đắc lắm! Vế dưới còn đang đợi « yến-sĩ phi lí thuần ». Mới xong bữa cháo sáng và bữa cơm trưa.

Lối bốn giờ chiều. Có một người, quần áo cũ kỹ, vải trắng cháo lòng, the thâm nước rưa, khăn lượt sờn, ô trắng rách, bước vào ngõ, nói là học trò nghèo, quê xa, tiền lưng hết, đánh bạo vào xin Công-tử giúp cho một độ đường. Công-tử dõng dạc nói:

— Thày bảo là học trò, phải không? Đã vậy, ta ra cho một vế câu đối, nếu đối được trình, sẽ cho năm quan tiền. Bằng không được, ta sẽ sai gia-tướng đuổi ra khỏi ngõ. Nghe!

Dạ, chúng tôi xin đối được ạ.

— Ừ được.

Công-tử đằng hắng, đầu lắc lư, làm bộ nghĩ ngợi rồi ngâm rằng:

« *Mênh mẹ muôn năm cửa Tướng* ».

Tiếp luôn:

— Đoi đi .... « *Mệnh mẹ ...* »

— Xin đối với: « *Mồ cha .* »

— Ừ được đấy... « *muôn năm..* »

— « Chín kiếp... »

— Hay! Hay!... « *Cửa Tương* »

— « Nhà Công ».

— Hay! Hay quá Giỏi đấy: « *Tướng* » đối mấy « *Công* » thì hay tuyệt!

Công-tử gọi gia-nhân inh ỏi, sai đem năm quan tiền ra thưởng thầy đồ, và sai pha trà để thết.

Thày đồ đón năm quan tiền, vái dài, cáo từ, nói đường xa và giời đã chiều rồi, xin cho đi.

Thày đồ ra khỏi ngõ, Công-tử lên cao giọng ngâm:

« Mệnh mẹ... muôn năm... cửa Tướng! »

« Mồ cha... chín kiếp... nhà Công! »

Vỗ vế đốp một cái, Công-tử nhảy lên, hét:

— À thằng này nó chửi mình! Đồ sỏ lá! Chúng bay đâu, chạy theo lôi cổ thằng đồ ban nãy vào đây cho tao! Mau!

Gia-nhân dạ ran, chạy tới tấp. Song thày đồ đã cao chạy xa bay, không thấy hút đâu nữa.

KHÓA - HÓC thuật

●

II.— Yên-Đỗ tắm sông

Hồi còn nhỏ, ông Tam-nguyên Yên-Đỗ cùng theo học cụ nghè Lý (Vĩnh-trụ, Nam-sang) ở làng Trình-phố (Thái-bình) với hai anh em ông Bùi-Viện và Bùi-Phủng. Thường thường chiều đến, anh em rủ nhau ra con sông đầu làng tắm. Hôm ấy đã về cuối thu, tết giời hơi lạnh. Khi lên, mặc quần áo, ai nấy đều rét run, môi bắn bật và đầu gối chạm vào nhau.

Anh em họ Bùi đọc:

Quân tử nấu hình rung dịp gót.

Ông Yên-Đỗ tiếp luôn:

Trượng phu thích chí gầy đàn môi.

Sau đó ông chỉ mọi người:

— Kìa Từ-Thứ.

Ai nấy đều ngạc nhiên vì chỉ thấy ở bờ ruộng một ông lão ăn mày đi đại-tiện mà bị gậy đề ở trên đường.

Ông cười, tiếp:

— Hắn chả sả « bị » chi «tháo» (bỏ *bị* đi *tháo*) là gì???

BẢO - VÂN thuật

Tạp trở

Mua óc người còn sống

NHÀ thông-thái Mỹ, Malcoln Coffrey, chuyên môn khảo-cứu về các trọng-tội và các án mạng, vừa sang chơi châu Âu để tìm các bộ óc dung dị của các sát nhân nổi tiếng.

Việc lạ-lùng nhất là nhà thông-thái đó đã bỏ ra một món tiền rất lớn để mua bộ óc của tên tội-nhân Silvestre Matuska người đã bắn cốt mìn vào những đoàn xe lửa và đã gây ra biết bao án mạng thảm-khốc.

Tên tội-nhân đó đã thành điên, nên cái án tử-hình của hắn đã được đổi ra án khổ-sai chung thân.

Nhà thông-thái tò-mò muốn có bộ óc của hắn để rộng đường khảo-cứu, nên đã ký bản giao kèo mua trước khi hắn chết. Ông sẽ phải đợi không biết bao nhiêu năm nữa mới được bộ óc của tên phạm-nhân đó vì hiện nay hắn còn sống.

Thật tính hiếu-học của nhà thông-thái ấy đáng kính biết bao nhưng ông quả là một người cầu kỳ!

(*Police Magazine*)

MANH PHAN dịch

Số 4

PHÁC SƠ VỀ

MẸO TIẾNG TA

(*Dạng - bản văn - pháp*)

ĐÀO-DUY-ANH

TIẾNG việt sở dĩ thích mượn chữ hán hơn tiếng pháp, nguyên nhân thứ nhất là vì tiếng việt cũng thuộc về loài đơn âm như tiếng trung-hoa.

Những tiếng mượn ấy tuy là ráp theo qui pháp của tiếng việt song những tiếng kết hợp thì vẫn theo nguyên-tắc của chữ hán. Vì số tiếng mượn ở chữ hán mỗi ngày một nhiều. nay có lẽ chiếm đến non phần nửa của tiếng việt nên trước khi bàn về văn pháp tiếng việt ta nên nhắc qua nguyên tắc kết hợp của chữ hán, để sau này ta khỏi lấy làm lạ khi thấy trong việt-ngữ có hai cách kết hợp khác nhau

Nguyên tắc chung có thể thích dụng cho mọi ca là :

Khi nào chữ này định nghĩa cho chữ kia thì chữ định nghĩa phải đặt ở trên, nguyên tắc ấy trái hẳn với nguyên tắc tiếng việt là chữ định nghĩa khi nào cũng ở sau.

Ca thứ nhất — Tiếng gồm hai tiếng chỉ tên như : *thế sự* 世事 thì thế là định nghĩa cho sự ; nếu dịch sang tiếng việt thì phải nói : việc đời, đời là định nghĩa cho việc.

Nhân tâm, nhân định nghĩa cho tâm, dịch sang tiếng việt là lòng người người định nghĩa cho lòng.

Ca thứ hai — Tiếng gồm một tiếng chỉ tên, hay một tiếng thay tên và một tiếng chỉ tính, hay một tiếng hành động.

Chữ hán	tiếng việt
đại sự	việc *lớn*
tiểu nhân	người *nhỏ*
chinh phu	*người đi xa*

Ca thứ ba — Tiếng gồm một tiếng chỉ tính hay một tiếng hành động với một tiếng bổ nghĩa :

Chữ hán	tiếng việt
Thậm tệ	Tệ lắm
Tạm trú	ở tạm

Ca thứ tư — Tiếng gồm một tiếng hành động với tiếng thay tên (giả 者).

Chữ hán	tiếng việt
Tác giả	người làm
Thuyết giả	kẻ nói

Ngoài ra khi nào một tiếng kép gồm hai chữ cân nhau hoặc có nghĩa giống nhau hay trái nhau thì hai chữ gồm có một ý đơn thuần. Ví dụ :

Đạo đức
nhân nghĩa
hành vi
khinh bạc
trường cửu

Cũng có khi thứ tự hai chữ đảo lộn được mà không đổi nghĩa. Ví dụ :

Điên đảo
Đảo điên

Những vấn-đề chất chính cùng các bực tác nhã trong nước.

1.) Về văn pháp tiếng việt, ta có thể phỏng theo những phạm trù văn-pháp của các thứ tiếng phương Tây được không ? — Chia tiếng việt ra 11 phẩm-loại như trên có thích đáng không ?

2.) Hiện nay ta có đủ điều kiện để kết luận vấn đề « cỗi rễ tiếng việt chưa ?

(Tôi rất mong ông Đào-Trọng-Đủ ở Pnom-penh là người đương túy tâm vào vấn-đề này, có tiện thì cho chúng tôi được hưởng ít nhiều ánh sáng của ông).

CHƯƠNG II

Luận chung

Tiếng kêu và lời nói

Kêu và nói : Người ta cũng như động vật, thường phát biểu cảm giác và tình tình bằng tiếng kêu. Có khi là tiếng thuần túy, như ô ! *ái* ! *ếp* ! Có khi là những lời nói như *khoan ! chuyện ! gớm ! thôi !* Nhiều khi những tiếng nói như thế dùng lâu rồi thành tiếng kêu, như *cha ôi !* biến thành *chao !*

Tiếng nói là những dấu hiệu của ý-tưởng, có khi là tiếng đơn như *bàn, ghế*, có khi là tiếng kép như *cán bút, lọ mực*.

Đơn âm và đa âm. — Bản tính của tiếng việt là đơn âm, nghĩa là mỗi tiếng chỉ có một âm, cũng như tiếng tàu, tiếng lào, tiếng xiêm, tiếng diến-điện v. v... Nó khác với tiếng đa âm là không có phép biến hóa, trong những tiếng kép các tiếng đơn vẫn giữ nguyên âm và nguyên nghĩa, còn ở các tiếng đa-âm thì tiếng kép gần nhiều yếu-tố dính trết nhau, mà trong ấy chỉ có một yếu tố chính là giữ nguyên nghĩa còn các yếu-tố khác thì mất hẳn giá trị độc lập.

Tuy nhiên trong tiếng việt cũng có ít nhiều tiếng vốn là đa âm, vì mỗi âm đứng riêng thì không có nghĩa gì, phải đứng chung vào một tiếng thì mới có nghĩa, ví dụ :

Bâng khuâng, ỏng eo, lôi thôi, lách cách, v. v.

Phần nhiều những tiếng ấy tượng hình hoặc tượng thanh.

Âm và giọng. — Vì tiếng việt mỗi một tiếng chỉ có một âm mà số âm dùng để nói lại có hạn, cho nên người ta đã phải dùng một âm mà nói nhiều tiếng ; nhưng muốn tránh sự nhận lầm lời nói, người ta phải dùng nhiều giọng khác nhau để có thể biến hoa một âm thành nhiều hình thức, bởi thế tiếng việt cũng như tiếng tàu, mỗi tiếng có nhiều giọng (thanh). Ví dụ âm *mà* là âm chính ta thường gọi âm bằng, vì nó là kết quả của một sự phát âm bình thường. Tùy theo giọng cao thấp nó có thể biến hóa theo năm hình thức nữa là :

mà, má, mạ, mả, mã. Mỗi hình thức ấy có một nghĩa riêng. Cũng có âm chỉ biến hóa theo hai hình thức, ví như :

bách, bạch
nát, nạt

Song cũng có nhiều hình-thức biến hóa của các âm không dùng trong tiếng nói, ví dụ :

Về âm *tơ* thì tiếng nói chỉ dùng những hình thức :

tơ, tờ, tở, tợ còn *tở, tõ* thì không dùng.

Chữ và dấu. — Muốn ghi âm người ta dùng chữ. Không rõ đời xưa tổ tiên ta có một thứ chữ riêng không. Dẫu sao từ bắt đầu cuộc Bắc-thuộc thì tổ tiên ta không có thứ chữ gì cả. Sĩ-Nhiếp là người có công nhất trong cuộc truyền bá chữ hán cho ta, đã dùng chữ hán làm gốc để đặt ra một thứ « chữ nôm ». Xưa kia các nhà học giả ta, từ Hàn-Thuyên ở đời Trần, vẫn dùng để ghi chép tiếng việt.

Cách đặt chữ nôm đại khái có bốn phép là :

1· Dùng chữ đồng âm đồng nghĩa trong chữ hán viết, có thể gọi là phép *đồng âm nghĩa :*

bàn 般
cấp 級
đồng 銅
oán 怨

2 Dùng chữ hán viết có âm tương tự, và thêm ở bên vai một cái nhấp nháy, có thể gọi là phép *loại âm.*

ở 於
ấy 意
may 枚
cơn 尸

3· Dùng hai chữ hán ghép lại với nhau, một chữ để biểu ý, một chữ để biểu âm, có thể gọi là phép *hình thanh.* Ví dụ :

áo 襖 nước 渃
mảnh 㽞 nên 𨑹

Phép hình thanh này thông dụng hơn cả.

4· Sau hết còn một phép hội ý, nghĩa là dùng hai chữ họp lại để biểu thị ý nghĩa của tiếng nói, song chỉ thấy dùng về chữ *trời* 丞 mà thôi.

Chữ nôm dẫu có qui tắc ấy, nhưng vì trong chữ hán có nhiều chữ đồng âm, cho nên cách viết không được nhất luật. Song các khuyết điểm ấy thì dẫu chữ tàu cũng có thường chứ chẳng gì một chữ nôm.

Những giáo sĩ người Âu-châu truyền giáo Gia-tô ở nước ta vào khoảng đầu thế kỷ 17 thấy chữ nôm có nhiều khuyết điểm, họ đã khó (vì phải thông chữ hán mới biết chữ nôm) mà lại dùng không tiện, cho nên họ lấy chữ cái la-tinh mà đặt ra một lối chữ riêng để biên những sách giáo-lý vấn-đáp và sách cầu-nguyện bằng tiếng việt. Buổi đầu mỗi người đặt chữ theo một cách riêng, đến sau dần dần hợp nhất.

Trước hết có hai người giáo-sĩ Bồ-đào-nha là Gaspor de Amaral và Barbora làm hai quyển tự-vựng Annam-Bồ-đào-nha và Bồ-đào-nha-Annam. Song những sách ấy không in. Sau có giáo-sĩ Alexandre de Rhodes người Pháp (đến Trung-kỳ năm 1624 và Bắc-kỳ năm 1626) truyền giáo ở nước ta trong 7 năm, có soạn một bộ tự vựng Annam — Latinh — Bồ-đào-nha (xuất bản ở La-mã vào khoảng 1651) là bộ sách bằng chữ quốc-ngữ in đầu tiên. Sách ấy làm tiêu biểu cho tình trạng tiếng việt 300 năm về trước.

Trong khoảng 200 năm không thấy có sách gì bằng quốc ngữ xuất bản Mãi đến cuối thế-kỷ 18 mới có chủ-giáo d'Adran thảo một bộ Tự-điển Annam Latinh, nhưng làm gần xong thì chết. Sau nhờ có chủ giáo Taberd tiếp tục và tăng bổ mà bộ tự điển ấy xuất bản được (ở Ấn-độ). Theo giáo-sĩ A Cadière khảo cứu thì chữ quốc-ngữ như ngày nay là do chủ-giáo d'Adran sửa sang lại.

Kế đó ở Bangkok (sau khi đức Cao-hoàng cùng nhiều người Nam tránh nạn ở Xiêm), các giáo-sĩ mở một nhà in, in sách quốc-ngữ. Từ đó chữ quốc-ngữ thịnh hành trong giáo-hội, dần dần phổ cập trong dân gian. Khoảng năm 1873-1890 ở Nam-kỳ đã nhiều người biết. Ở Bắc và Trung thì ở khoảng năm 1895-1905 đã thông dụng.

Còn nữa

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Có khi một người dân quê « Pháp thấy đồng ruộng mình « bị cơn mưa đã phá hại. Không « hề thất vọng về mùa gặt nay « mai, và vẫn một lòng tin tưởng « như xưa, người ấy lại làm « luống để reo hạt giống mới »

Hộp thư

Ô. Thạch-hồ-Khách (Mỹ-tho). — Đã tiếp đặng thơ của tiên sinh. Rất mong tiên sinh gởi ra cho xem bản dịch Đ. V. C. T. Cám ơn trước. — H. B.

TIẾT NĂM

Những lối văn vần trung-hoa thuộc trong phạm-vi văn-học nam-việt

Xưa kia, người mình học chữ tàu, công nhận văn tàu như của «sở hữu». Các tác phẩm của các cụ hầu hết viết bằng văn tàu cả.

Đối với thứ văn «an-nam hóa» đã hơn 2 nghìn năm đó, ta nay há lại không nên để tâm nghiên cứu cho biết cỗi rễ nó ư?

Cũng như quốc văn và văn các nước khác, văn tàu gồm có hai lối: văn vần và văn xuôi.

Văn xuôi tàu không phức-tạp và nhiều lối bằng văn vần. Văn-thể nó cũng giống văn nôm ta xưa, chắc nhiều người đã biết; tưởng không cần phải giới thiệu ra đây.

Còn văn vần tàu? Đã nhiều lối, lắm thể, lại chiếm một địa vị quan trọng trong văn giới ta. Vì từ khi Hàn-Thuyên phất cờ tiên phong trên đàn quốc-văn đến giờ, các thơ, phú nôm làm theo lối tàu đã nghiễm nhiên thành một hạng con lai trong làng văn nam-việt. Nó nhuần thấm trong óc nhà văn ta, nó thêu nên những bức tranh hoặc cảm động, hoặc mơ màng, hoặc hùng tráng khiến cho nhiều người đã phải vì nó mà ngây ngất, mà phấn khởi, mà dào-dạt cõi lòng.

Lối văn vần đó tôi kêu là «văn vần lại tàu» để phân biệt với «văn vần tổ truyền» như lối ca-dao hoặc lối lục bát hoặc lối lục bát giản thất của ta và phân biệt với «văn vần lai tây» tức lối thơ mới bây giờ.

Lối «văn vần lai tàu» này nó đã lập được nhiều công-lao trong thời dĩ vãng; ta không nên phụ. Vậy nay nghiên cứu vấn-đề này tưởng cũng là một việc cần làm trong phạm vi Việt-nam văn học sử.

I) **Ca.** — Những bài ca như Nam-phong, Khánh-vân, Nguyên-thủ, Ngũ-tử đều là những bài ca tối cổ trong làng văn-vần trung-hoa.

Bài ca Phượng hề, bài ca Ninh-thích (1) và bài ca Dương Châu (2) đều đơn sơ, mộc-mạc, có vẻ cổ phong.

Hạng-Vũ, khi bị vây ở Cai-hạ, phần cảm-khái cái bước anh-hùng mạt lộ, phần thương tiếc quyến luyến mỹ-nhân Ngu-cơ, có làm một bài ca, tuy chỉ vỏn-vẹn có bốn câu, 28 chữ (mỗi câu 7 chữ), nhưng rất hùng, rất bi-tráng.

Hán Cao-Tổ (Lưu Bang), cũng tỏ được cái khí-cốt hào-hùng, diệt Tần, phá Sở trong bài ca *Đại-phong*.

Bài ca *Sắc-lạc* của đời Hán được nhà học-giả Lại-sơn-Dương rất yêu khen: «Chỉ có 27 chữ, vậy mà gồm đủ cả lối tam ngôn, tứ ngôn, thất ngôn; lời văn lại có vẻ như mây, gió.»

Trong tập Sở-từ của Khuất-Nguyên, chí-sĩ kiêm thi-sĩ nước Sở, cũng có nhiều bài ca, như bài *Sơn-quỉ* chẳng hạn. Chính Tư-Mã Thiên, một nhà sử-học đời Hán, đã phê-bình về lối văn déo-dắt lâm-ly ấy của Khuất rằng: «Văn gọn-gàng, lời sâu nhiệm».

Bài *Trường hận ca* của thi-sĩ Bạch-Cư-Dị tuy gọi là ca, nhưng cũng làm như lối thơ thất ngôn. Bài ấy dài lắm! Một bài có tới 120 câu, mỗi câu 7 chữ, cộng thành 840 lời. Suốt bài tác-giả thay đổi đến 31 khổ vần, cả bằng lẫn trắc xen nhau. Văn viết một hơi rất mạnh!

II) **Thơ.** — Muốn khảo về thơ, phải dò đến bộ Kinh-thi là một tổng tập thi ca đời xưa của Tàu. Nội dung kinh Thi chứa những câu ca, bài hát ở nơi thôn dã, chốn triều đình. Tất cả có tới 300 bài, đại để là lối *tứ ngôn* cả. Tựu trung thỉnh thoảng cũng có một đôi câu hoặc ba, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy, hoặc tám, hoặc chín chữ xen vào trong khoảng những câu tứ ngôn, song đó là số rất ít.

Thơ *tứ ngôn* là một lối phổ-thông từ cuối đời Thương tới giữa đời Châu. Phần nhiều là những bài ngắn, nhưng cũng có bài một chương dài đến 22 câu như bài *Na* trong Thương-tụng.

Theo lối *tứ ngôn* này, thì dễ đặt thành câu, nhưng khó bề biến hóa ngang dọc được. Vậy nên, theo trình tự tiến hóa của văn học, tự nhiên thơ phải tăng số chữ trong câu lên.

Lối thơ *ngũ ngôn* phát nguyên từ đời nào? Có nhiều thuyết khác nhau:

Mao-nhất-Tường nói: «Thơ *ngũ ngôn* phát nguyên từ Quốc-phong (trong bộ kinh Thi), mở rộng ở Ly-tao, tỏ sáng ở Tô, Lý, thịnh đạt ở Tào, Lưu...»

Nghiêm-Vũ nói: «Thơ *ngũ ngôn* mở đầu từ Lý-Lăng. Vì lối thơ ấy hưng thịnh ở đời Hán, nên mới gọi là *cổ thi*».

Nhưng, trái với hai thuyết trên, Cố Thực, học giả trung hoa, đã đoán định ở cuốn «Trung quốc văn học sử đại-cương, trang 142, rằng: «... Thơ *ngũ ngôn* quyết không bắt đầu từ Tô, Lý, song chừng thành lập ở đầu hoặc giữa đời Hán Võ đế»,

Lối *ngũ-ngôn cổ phong* không cần đối nhau, có thể làm dài được. Như khi Lý bạch say rượu, cưỡi ngựa đi từ Quảng-bình đến Hàm-đan hàng 60 dặm đường, có làm bài «*Đăng thành lâu, lãm cổ thư hoài*» theo lối ngũ ngôn cổ phong, dài tới 40 câu.

Khoảng đời Tề, Lương, có bài «*Khổng-tước đông nam phi*» cũng viết theo *ngũ ngôn cổ phong* này, dài tới 1.700 chữ.

Ngũ ngôn luật là lối thơ năm chữ một câu, nhưng bó-buộc theo luật.

Theo Hồ-ứng-Lân, thì lối thơ này gây ra từ đời Tề, Lương, rồi cực thịnh ở đời Đường.

Trầm-Quy-Ngu cũng cho rằng: Về lối *ngũ ngôn luật*, bọn Hà Tốn, Dũ-Tín, Từ-Lăng mở-mang đường-lối; đến các nhà thơ đầu đời Đường... thì chế-tác đã đầy-đủ lắm.

Thơ *thất ngôn* có hai lối: *cổ phong* (*thất ngôn trường cổ thiên* cũng thuộc lối này) và *luật thi* (*thất ngôn tuyệt cú* cũng thuộc lối này).

Lối *thất ngôn cổ-phong* có thể viết dài không cần câu đối. Những bài *Tương tiến tửu*, *Trường hận ca*, và *Tì-bà hành v.v.* đều làm theo lối ấy cả.

Trước kia, thơ không có luật. Thi-nhân có thể tùy ý phô-diễn tính-tình và tư-tưởng bằng một ngòi bút tự-do. Mãi đến đời Nam, Bắc-triều mới nảy ra cái lối thơ có luật. Dần dần đến đời Đường thì lối thơ luật đó được thành-lập một cách chắc-chắn và càng ngày càng thịnh-hành. Vì vậy, người sau mới kêu là lối *Đường luật*.

Luận về lối *thất ngôn luật*, Cao-Lệ có nói: «*Thất ngôn luật thi* lại là biến-thể của thơ *ngũ ngôn*. Trước đời Đường, lối *thất ngôn lệ cú* của Trầm-quân-Du đã nhóm gây luật-thể rồi. Đến đầu đời Đường thì mới chuyên luyện lối thơ ấy...»

Chí-Ngu viết trong «*Văn-chương lưu-biệt*» rằng: «Thường thường cổ-thi đều làm theo thể *tứ ngôn*, thỉnh thoảng trong khoảng tứ ngôn, mới xen vào một hai câu hoặc *tam ngôn*, hoặc *ngũ ngôn*, hoặc *lục ngôn*, hoặc *thất ngôn*, hoặc *bát ngôn*, hoặc *cửu ngôn*. Đời sau mới suy-diễn ra làm thành bài. Lối *ngũ ngôn*, *thất ngôn* phần nhiều dùng ở trong bài nhạc, bản bát của phái trèo bát». (Nghệ-văn loại tụ, 56).

Từ *tứ ngôn* đến *thất ngôn*, thơ tàu đã trải qua những bước lịch trình khá dài. Để giúp cho công việc khảo cứu được rộng thêm, tôi xin dẫn lời của nhà học-giả Cố-Thực:

«*Tứ ngôn*, phải cái dặc và trệ! Thêm một chữ vào, làm ra *ngũ ngôn*, thì thấy trôi chảy và đẹp đẽ ngay. Thêm vào ba chữ thì lại lỏ ra trôi chảy hơn, đẹp-đẽ hơn nữa. Lại từ một mặt khác mà xem, thì *ngũ ngôn* là lối thơ tr ết trung cái hình thức của hai lối thơ Nam, Bắc và có tính chất phổ thông. Đời thượng-cổ, lối thơ *tứ ngôn* của phương Bắc đã thường thường có thêm số chữ lên rồi. Lối đặt câu trong những bài phú của nước Sở ở phương Nam lại nhiều danh từ, ít động-từ, giá cứ bỏ chữ «*hề*» trong những câu đặt từ năm chữ trở lên, thì tức là thơ *ngũ ngôn*, thơ *thất ngôn* đó. Vậy thơ *ngũ ngôn* được ra đời, có thể nói, là dựa theo sự tiến bộ của thời thế và là cái khối đúc lại hình-thức hai lối thơ Nam, Bắc.

Còn nữa

---

(1) Ninh-thích chăn trâu, ca một bài để tỏ tâm-sự mình, liền được Tề-Hoàn cất dùng. (2) Dương-Châu làm giùm Qúy-Lương, bạn mình, một bài ca để khuyên-giải các con của Lương đừng than khóc và đừng chạy thuốc trong khi Lương đau nặng.

Thử viết — Số 6

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

TUẦN LỄ NGOẠI-GIAO

TRONG vong tuần-lễ vừa qua, cõi Viễn-Đông là nơi căn-cứ của một cuộc ngoại-giao rất hoạt động. Ngoài ra, thế-giới chú-ý đến Luân-đôn là nơi mới ký hợp ước Nga-Ba lan, đến Helsinki là nơi chính phủ Phần lan đã quyết nghị việc tuyệt giao với Anh, đến Caire là nơi mới có cuộc hoán cải trong nội-các chính phủ.

Về khu Đông Á, các nhà ngoại giao các cường quốc thế giới đều để ý đến xứ Đông-Dương. Ngày 29 juillet 1941, tại Vichy, Đô-Đốc Darlan, thay mặt chính phủ Pháp và Đại sứ Sotomatsu Koto, đại diện Nhật Bản, đã ký một hiệp ước Pháp Nhật tương trợ trong cuộc phòng thủ Đông-Dương Hiệp ước này tóm tắt hợp ước đã ký ngày 30 Aout 1940 do ông Baudoin, nguyên ngoại-giao tổng trưởng, làm đại diện Pháp.

Nước Nhật Bản cam đoan giữ nhời hứa trước là tôn-trọng quyền Pháp quốc trên đất Đông Dương và giữ nguyên vẹn lĩnh thổ thuộc địa Pháp ở Đông-Á.

Tại Hoa-kỳ, Anh, Nam-Dương Quần-Đảo, đã thực-hành nhiều phương-pháp về mặt kinh-tế mục-đích làm cho nước Nhật-bản lâm vào cảnh cô-độc. Nước Anh và các thuộc-quốc dần dần hủy hết các thương-ước hiện đương thi-hành với Nhật. Tài-sản Nhật bản bị tịch-thu tại Hoa-thịnh đốn và Batavia. Chính-phủ Đông kinh cũng trả nhời bằng cách tịch thu tài sản các nước Anh, Hoa-kỳ hiện có tại Đông-kinh.

Trong khi đương thi-hành hiệp-ước Kato-Darlan tại Đông-Pháp, hình như các nước Anh, Mỹ, Nam-dương quần-đảo đã tỏ thái-độ đối với Đông-kinh.

Nhưng xem ra hai bên đều đề-phòng khỏi xảy ra những sự không hay. Thí dụ Hoa-thịnh-đốn tuy tịch-thu các tài-sản của Nhật, nhưng không hề thi-hành lệnh-luật ấy một cách triệt-để. Ông Sunmer Welles công-bố các tầu Nhật đậu trong các hải-cảng Mỹ sẽ không phải giam-cầm.

Cuộc ngoại-giao giữa hai Chính-phủ Đông-kinh và Nam-Dương quần-đảo mấy tuần lễ nay đã qua nhiều thời-kỳ rất găng. Việc tịch-thu tài-sản Nhật, việc đình xuất-cảng dầu sang Đông-kinh đã tạo nên một tình-thế gay-go, tưởng chừng đến cuộc binh-đao. Nhưng nhờ sự khôn-ngoan của các nhà chính-khách Nhật và nhờ sự hiểu nhẽ phải của các nhà ngoại-giao Nam-Dương, mà ngọn lửa chiến-tranh không bùng lên trên mặt Thái-Bình-Dương.

Ngày 1er Aout, Chính-phủ Batavia lại cho mở cuộc điều-đình kinh-tế với Nhật-bản khiến tình-thế bớt gay-go.

Chính-phủ Nhật-Bản đã xin lỗi Hoa-thịnh-đốn về việc phi-cơ Nhật tàn-phá chiến-hạm Mỹ Tutila đỗ tại Trùng-khánh. Về mặt Hoa-kỳ, tình-thế nhờ vậy cũng bớt găng.

Kiểm duyệt bỏ 5 giòng

Quân-đội Nhật đổ-bộ lên các nơi căn-cứ Đông-Dương không xảy sự gì.

Hiện nay, Nhật-bản rất hoạt-động về mặt ngoại-giao về kinh-tế.

Một thương-ước ký với Thái-Lan để đổi gạo lấy các hóa-phẩm tỏ rằng Chính-phủ Đông-kinh cần các nguyên-liệu và các sản-vật về canh-nông hiện thiếu ở Nhật là một nước chuyên-trọng về kỹ-nghệ.

Tại Âu-châu, hợp-ước Nga-Ba-lan đã ký tại Luân-Đôn.

Sau việc tuyệt-giao giữa Anh và Phần-Lan, các hải-khẩu Bạch-hải bị phi-cơ Anh tàn-phá.

Tại Ai-Cập, trong 17 ghế Chính-Phủ, có 5 ghế thân Anh, cho nên chính-sách Wafd, phản-đối Anh, không có ảnh hưởng.

NHẬT-NHAM

Còn nhiều nhà đại-lý chưa gửi relevé và tiền về giả, mong các Ngài nhớ làm ngay cho. Đa tạ.

TRI-TÂN

Tiếng Anh rất cần trong lúc này. Muốn học tiếng Anh một mình, chỉ nên mua quyển :

MANUEL DE CONVERSATION

EN ANGLAIS, FRANÇAIS et ANNAMITE

Sách tự học tiếng Anh theo cách chóng biết nói

Soạn-giả DƯƠNG-TỰ-NGUYÊN

có bằng tốt nghiệp cao đẳng về tiếng Anh từng làm giáo-sư về tiếng ấy trong 10 năm

Một quyển sách tự học tiếng Anh tốt nhất, vì đúng giọng, hợp mẹo, dễ học và mau tấn tới

140 trang, giá 0p.60. Cước thường 0p.10. Gửi cho hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông — Hanoi

NHÂN CUỘC CHIẾN TRANH NGA ĐỨC

Hạ - tuần Juin — Thượng-tuần Aout.

Nga, Đức chiến - tranh đến nay đã bảy tuần lễ ! Tuy chưa phân thắng phụ, nhưng lực-lượng quân Nga đã tỏ ra nao núng nhiều trận trước sức tiến-công mãnh - liệt của quân đội Đức.

Đức đang dự bị tiến-công lần thứ ba.

Theo tin báo hàng ngày, Đức Nga đều huy động quân-đội đến mặt Smolensk.

Cứ như lời thông-cáo của Đức, thì quân-đội Đức đương do hai đường tiến vào Ukraine.

Đề phòng cuộc tấn-công sắp tới của phe địch, Nga đã phải huy-động một số lớn quân-đội ra mặt trận và hết sức phòng-thủ kinh - thành Mạc-tư-khoa hòng giữ lấy nơi căn-bản của chính-thể « đỏ ».

Cứ xem tình hình chiến-tranh thì Đức, kể thế, cũng đã vào được sâu trong nội-địa Nga rồi.

Như vậy không thể tin lời cạtụng sằng của *Jean Zyromoki* : « Người ta không nên coi thường cái giá-trị vật-chất của quân-đội Sô viết ».

Như vậy không thể tin lời tán-dương hão của *Henri Bidou* : « Chính nhờ trong ba năm nội-tranh và ngoại hoạn ấy mà Hồng-quân được đào tạo, được huấn-luyện bởi từng trải về chiến-đấu ».

●

Nhân Nga nay đương có cuộc chiến-tranh, ta thử đứng mặt khách-quan, liếc mắt ngó qua mấy nét trọng-yếu trên trang sử-ký nước ấy :

Nga tuy là một cường-quốc ngày nay, nhưng trước đây vài trăm năm, nước ấy hãy còn lù-mờ, không được người Âu đếm-xỉa đến ! Mà ngay cách đây độ hơn 200 năm, trên đường lối Âu-châu, không mấy khi thấy tăm bóng quân Nga đâu cả ! Thế đủ biết Nga là một nước « bị bẹp » ở hồi xưa mặc dầu có tiếng là to xác.

Mãi đến năm 1682, Pierre le Grand, trẻ tuổi, lên ngôi hoàng-đế, hết sức cải tạo lại nước Nga : ép buộc mọi người trong nước phải noi theo quân-chế Âu-tây. Nhưng, đội tân-quân vừa mới thành-lập, thì 8 vạn quân Nga đã đại-bại dưới bóng cờ vua nước Thụy-điển chỉ có một vạn quân !

Sau, nhờ nghị-lực và tài-lược của Pierre le Grand, Nga dần dần trở nên cường thịnh.

Từ năm 1711 trở đi, Nga « hóa bình con tằm » ăn dần « lá dâu » những nước lân-cận : sén đất của Thổ-nhĩ-kỳ, gặm bản đồ của Ba-tư. .

Năm 1847, người Nga vì lai muốn sâm lấn đất-đai của Thổ, bị liên quân ba nước Anh, Pháp, Thổ đánh cho một trận nên thân, Nga phải kéo về với cái sỉ-nhục bại trận !

Sau trận thua ba nước Anh, Pháp, Thổ này, Nga-hoàng, đối với dân, thật quá thương uy, tôn vọng ! Trước kia dân Nga coi vua như thần thánh, phàm những điều nhà vua du-bảo gì họ đều cắm đầu tuân theo ; nhưng đến bấy giờ, họ chẳng những không chịu phục tòng, lại còn bới lông tìm vết mà chỉ-trích nữa.

Năm 1863, Nga dập tắt được ngọn lửa «cách-mệnh» ở Ba-lan, lại giữ được quyền thống-trị nước ấy mãi cho đến khi gần tan cuộc Âu-chiến trước (1914-1918).

Năm 1904 1905, Nga, sau cuộc chiến bại dưới cái chiếu-khí mới duy-tân của Nhật-bản, phải ký hòa-ước Portsmouth, tiêu hết hùng-uy những thời oanh-liệt.

Cuộc Âu chiến trước, Nga có vào phe với Đồng-minh ; nhưng nửa chừng, vì có nội-biến, nên Nga phải bỏ dở cuộc.

Lénine đánh đổ Nicolas II, lập thành chính-phủ Sô-viết năm 1917

Năm 1920, cuộc nội-loạn kéo nước Nga vào cảnh lầm than !

Sau khi Lénine qua đời (1924), Staline lên cầm quyền chính : Từ năm 1927, lo việc kiến-thiết, thi-hành kế-hoạch năm năm (plan quinquennal). Qua năm 1932, lại làm đến kế-hoạch năm năm lần thứ hai (deuxième plan quinquennal).

Ngọn lửa Âu-chiến hiện-thời bùng cháy. Nga đóng vai « ngư ông » : đớp nửa đất Ba-lan, chiếm nhiều quyền lợi ở Phần-lan... Trước cái dã-tâm ấy, Đức không thể dung túng được.

Nga bị cuốn vào vòng nước xoáy chiến-tranh với Đức. Bàn cờ « tranh hùng » gặp tay địch thủ. Ai được ? ai thua ? cái đó còn phải đợi thời-gian trả lời.

Song-Cối

Đón coi :

Thơ và thân-thế Bạch-cư-Dị

TIN VẮN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Quân Đức ập diệt đ rọc hết các đội quân Nga bị vây ở Smolensk. Ở Ukraine, quân Nga van cố chạy trốn để khỏi bị vây. — Quan Phần lan vẫn tiến ở phía Bắc. — Không-quân Anh-Đức đều rất hoạt động.

Xứ Péron đã nhâu đình chiến với xứ Equateur.

Tổng thống Roosevelt sáp nhập quân Phi luật-tân vào quân-đội Hoa kỳ

Một phái-bộ Nga đáp máy bay sang Nữu ước để mua các chiến cụ.

Đoạn đầu đường hỏa xa Mosson ở xứ Côte d Ivoire đã khánh-thành. Đường hỏa xa xứ nay khởi công từ 1939 có ba đoạn giài 150, 100, 110 cây số. Công việc dự đến Juillet 1942 thì hoàn-thành.

Tổng thống Hoa kỳ định đặt một bộ tổng tư lệnh quân-đội Mỹ ở Viễn đông

Ông Litvinov, nguyên ngoại-giao tổng trưởng Nga, đi lên đường sang Hoa ky.

Mười một chiến ham Pháp an ở Alexandrette, sau khi lột hết khí-giới, đã đưa đến hai cảng Yumurt do thủy-thủ Thổ-Nhĩ-kỳ quản-đốc.

Ông London, đai sứ Hòa-lan, tuyên-bố với các nhà báo : Khi cần đến, chính-phủ Nam-dương quần-đảo sẽ hủy hết các mỏ dầu, không chịu để quan địch chiếm-cứ

Các tầu Nhật-bản đậu trong các hải-khẩu Úc-châu đều bị thu giấy thông-hành.

Phần-lan tuyệt-giao với Anh.

Tại Lỗ-mã-ni đã hành-hình bẩy chiến-binh đã dự vào vụ ám-sát ông Nicolas Jorga, nguyên thủ-tướng.

162 hoa-tiêu Mỹ đã ký hợp-đồng một nam để sung vào việc vận-tải bằng hàng-không cho Anh.

Tòa-án quân-sự Mạc tư khoa đã kết 4 án tử-hình về tội đốt cháy một nơi chứa dầu mỏ.

Đông-Dương

Mười một người dân làng Tân-hương và Tân-lý-tây, thuộc tổng Hưng-nhân (Mytho), can tội giết 7 mạng ở Tân-hiệp ngày 23-11-40 đều bị xử bắn tại Tân-hiệp : Bùi văn Chỉ, Nguyễn van Kiêm, Ph. văn Tuân, Kiều van Phu, Ng van Tịch, Ng văn Dưa, Võ van Dậu, Lê v An, Lê văn Đâu, Lê văn Dặn, Bùi van Trực. Còn Lê văn Huỳnh thì đã chết tai kham Saigon.

Hai Chánh-phủ Nhật và Pháp đã bắt đầu thi hành các điều khoản ở trong hiệp-ước ký ngày 21 Juillet 1941.

Hiệp-ước Pháp-Nhật ấy công nhận cuộc phòng-thủ của Đông-dương ở dưới trách nhiệm chung của cả hai nước. Theo bản thông-cáo của Chánh-phủ Đông-dương, thì quân Nhật đã đồ bộ ở những nơi can-cứ ở miền Nam Đông-dương.

Quân Nhật không đồ bộ ở Quảng-châu-loan.

Do nghị-định quan Toàn-quyền ngày 4 Aout 1941, những vi sau này được cử vào Hộ-nghị Liên-bang Đông-dương :

1) Bắc-kỳ, MM. Hồ đắc Đề m, Tổng-đốc Ha-dong, Nguyễn trọng Tấu quyền Tổng-đốc Bacninh, Trần văn Chương, Luật-sư tại tòa Thượng-thẩm Hanoi, Nguyễn văn Huyên, hội viên vĩnh viễn trường Viễn-đông Bác-cổ, Phạm duy Khiêm, giáo-sư thạc-sĩ tại trường A. Sarraut, Bác-sĩ Vũ ngọc Anh, y-sĩ ở Thái-bình.

2) Nam-kỳ MM. Ng thanh Liêm, kỹ nghệ gia, Trương vinh Tòng, giáo sư, J. Lê văn Đức, nghiệp chủ Bác-sĩ Ng. van Thinh, Đốc-phủ-sư Hồ van Trung, Đốc-phủ-sứ Lê thanh Long.

3) Trung-kỳ : S.E Ung Uy, Tổng-đốc Thanh-hoa, S. E. Nguyễn Hy, Chánh án tòa án Kinh-thẩm, MM. Tôn thất Viên Đệ, kỹ nghệ gia, Ung Du, nghiệp chủ, Thân trọng Phước, y-sĩ.

4) Cao-miên : S. E. Chau Nak, MM. Tan Mau, Var Kamel, Nhek Tiou Long, Poy Nglim.

5) Ai-lao : S. A R Tiao Kham Mao, Thao Xou, Thit Pan.

Trường Đai học về khoa-học se mở tại Hanoi.

Thứ sáu sau 15 Aout 1941 nhằm ngày lễ Assomption, nhà in nghỉ 3 ngày liền, Tri-Tân buộc phải nghỉ 1 kỳ. Số 11 sẽ xuất bản vào ngày 21 Aout. Dù thế, các bạn đọc cũng vẫn nhận đủ 4 số trong tháng này. Mong các bạn lượng thứ.

TRI-TÂN

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG
Mua buôn, xin hỏi hãng dệt :

PHÚC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N° : 974

Chén tân-khổ, nhắp ngon mùi chính-khí

NGÔ TÙNG-CHU

NGÔ-TÙNG-CHU, người huyện Phù-cát, tỉnh Bình-định, vào ngụ tại Gia-Định, theo học xử-sĩ Võ Trường Toản tiên-sinh.

Xuất thân thụ chức Hàn-lâm, rồi dần thăng Lễ-bộ tham-tri, rồi Ngô được bổ ký-lục Trấn-Biên.

Sau lại về Lễ-bộ và được cử làm phụ-đạo Đông-cung Hoàng-tử Cảnh, Ngô cố từ chối mà tâu rằng: « Tài sơ, học thiển, len lỏi hàng văn quan còn sợ chưa xứng, huống chi là chức phụ-đạo thì đương sao nổi!» Nguyễn-Vương phán: « Đông-cung là ngôi trử-nhị (1) của nhà nước. Tuyển vào hàng sư-phó, phi khanh không xong. Khanh chớ nên từ chối... » Bấy giờ Ngô mới phải vâng mệnh.

Từ đấy, Ngô hết lòng dạy-dỗ Đông-cung, nói thẳng-thắn không kiêng-nể điều gì, nên Đông-cung cũng phải kính trọng.

Một hôm, nhân giảng Nhạc-ký, Ngô nói: « Người xưa đặt ra nhã-nhạc, tỏ rằng cùng trời đất cùng vui hòa» Hoàng-tử Cảnh nói: « Người xưa đặt ra nhã-nhạc như thế, nên mới cảm-động được trời đất và quỉ thần. Nay, khi cúng-tế ở nơi đền-miếu, cứ theo tục bày những trò như nữ-nhạc và hát bội, thật là giảng-luận vô-vị! Có khi lại kéo dài đến cả ban đêm, chẳng hề biết mỏi mệt! » (2)

Lại, một lần, thấy Hoàng-tử Cảnh chăm học, Ngô khen: « Soái-phủ (chỉ Hoàng-tử Cảnh) hay không rời quyển sách, thế thì được ích-lợi lắm ». Hoàng-tử Cảnh nói; « Hán Cao-Tổ và Tống Nghệ-Tổ đều là những tay anh-chúa khai-sáng vương-nghiệp. Hán Cao-Tổ thì nói: « Ta vì lên yên xuống ngựa mà được thiên-hạ, có cần gì phải dùng đến thi, thư đâu?» Còn Tống-Tổ tuy đang ở trong quân-thứ cũng không mấy khi rời bỏ quyển sách. Chỉ lấy một việc ấy mà so-sánh hai người, thì thấy họ khác nhau xa lắm ». Ngô nói: « Soái-phủ đã lĩnh-hội được rồi đấy! » (3)

Khi bấy giờ có quan Tham-tri Hộ-bộ là Nguyễn-văn-Mỹ tuy có công theo Nguyễn-Vương, nhưng lúc làm quan thì hay tham-nhũng, thế mà khi mất cũng được thờ vào đền Hiển-trung. Ngô bèn tâu với vua rằng: « Đền Hiển-trung đặt ra là cốt để khuyến khích người trung-lương, nay Mỹ là một tham-quan, mà lại đem thờ vào đền ấy, thì còn khuyên người sao được? Vậy xin truất bỏ đi ». Vua cho là nói phải, nhưng không nỡ truất Mỹ vì Mỹ cũng có công.

Tục ở Gia-định bấy giờ hay mộ đạo Phật. Khi đó việc quân quốc đương bối-rối, công-vụ nặng-nề, nên nhiều người thường hay trốn việc quan đi ở chùa cho được rảnh. Nguyễn-Vương sai Lại-bộ truyền bảo các chùa: hễ nhà sư nào chưa đến 50 tuổi thì cũng phải chịu sai-dịch như các dân đinh. Các quan nhiều ông cứ tâu ra tâu vào về việc ấy, nên vua cũng còn phân vân chưa quyết. Ngô nói với Đông-cung rằng: « Chúa-thượng muốn làm vậy, chính phải lắm. Quần thần đã không ai giúp nên việc gì hay thì chớ, lại còn cứ thêm điều, bàn ngang! Nếu việc ấy thôi đi, chắc bọn tăng đồ lại càng « lỗng » hơn trước! Tôi không phải thù ghét gì họ, song cái hại về đạo Phật, Lão lại tệ hơn đạo Dương, Mạc (!), cho nên bất đắc-dĩ phải nói đó thôi... » Đông-cung cũng cho là phải. Ngô liền dâng sớ bác bọn tăng-đồ, bấy giờ ý Nguyễn-vương mới quyết vậy.

Tháng 5 năm Kỷ-mùi (1799), quân Nguyễn vây thành Quy-nhơn. Trấn thủ Tây-sơn là Lê-văn-Thanh chờ không thấy viện-binh Phú-xuân tới (4), mà lương thực trong thành đã hết, nên cùng các tướng phải mở cửa thành ra hàng Nguyễn-vương.

Sau khi đem quân vào thành, vua Nguyễn đổi lại tên Quy-nhơn làm Bình-định, rồi để Ngô

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiềm

Chef de clinique des maladies cutanees et Syphilitiques à l'École de Medecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng: 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều: từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.32

hiệp với Võ-Tánh ở lại trấn thủ.

Năm Tân-dậu (1801), sau khi đã phá tan quân địch và lấy được cửa Thi-nại, thì thành Bình-định lại bị Tây-sơn vây chặt và dày kín lắm! Xem chừng kho lòng phá vỡ được, vua cho người lẻn vào thành, bảo Võ-Tánh và Ngô-tùng-Chu bỏ thành mà ra. Song Võ-Tánh viết phúc thơ, nói rằng: « Nay tinh-binh Tây-sơn ở cả Qui-nhơn. Xin nhà vua đừng lo việc giải vây vội, nên kíp ra đánh lấy thành Phú-xuân còn hơn... » Vua bèn để Nguyễn-văn-Thành ở lại, đánh nhau với Trần-quang-Diệu và Võ-văn-Dũng. Còn mình thì thân đem đại binh ra đánh Phú-xuân.

Mùa hè, năm Tân-dậu (1801). Sau hai năm bị vây, Ngô đem hết lòng trung nghĩa khuyên bảo tướng sĩ, ai ai cũng vui lòng cố sức chiến đấu, chứ không chịu xuống hàng Tây-sơn. Lương thực trong thành đã cạn. Một buổi sớm mùa hè, Ngô đến hỏi kế Võ-Tánh. Võ chỉ tay vào lầu bát giác mà nói: «Ấy kế tôi đó! Tôi là chúa tướng, nghĩa không nên sống dã đành, chứ ông là văn-thần, thì nên nghĩ lấy kế tự toàn...» Ngô cười, đáp; « Lòng trung, ai cũng như ai, chứ cứ gì văn với võ? Tướng quân đã chết vì nước, còn tôi há lại không biết chết vì trung hay sao?» Nói đoạn, trở về, mặc đồ triều-phục, trông lạy về cửa khuyết, rồi uống thuốc độc mà tự-tận.

Võ-Tánh được tin, sắc mặt buồn rầu, nói: «Thế ra Ngô-Công đã đi trước ta một nước rồi đó!» Võ bèn thân đến coi sóc việc khâm-liệm mai táng cho Ngô. Rồi sau đó hai ngày, Võ cũng tự thiêu chết ở lầu bát giác (5). Hôm ấy là ngày 25, tháng 5.

Trong bài văn tế của quan Khâm-mệnh dụ tế hai ông Ngô-tòng-Chu và Võ-Tánh (do Đặng đức Siêu soạn) có câu:

Sửa mũ áo lậy về Bắc-khuyết, ngọn quang minh hun mát tấm trung can.

Chỉ non sông giã với Cô-thành, chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí.

Ngô tử tiết rồi, đức Thế-Tổ lấy làm thương tiếc vô cùng.

Ngô không có con, Vua cho một người cháu họ là Ngô-tùng-Hoàng làm kế tự.

Năm Gia-long thứ nhất (1802), Ngô được truy tặng là « Tân-trị công thần, đặc tiến kim tử vinh lộc đại-phu, trụ quốc thái-tử thái-sư quận-công », thụy là Trung-ý và được liệt tự vào đền Chiêu-Trung cùng với Võ-Tánh.

Năm Gia-long thứ 3 (1804), lại được liệt tự vào Hiền-trung-từ ở Gia-định.

Đến đời Minh-mạng, Ngô được da phong là Ninh-hòa quận-công.

NGUYỄN TRIỆU

---

(1) Cũng như trù-quân, là dự-bị để nối ngôi vua.

(2, 3) Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 2, tờ 5 — 11.

(4) Nguyên Tây-Sơn ở Phú-Xuân cũng đã sai hai tướng là Trần-quang Diệu và Vũ-văn-Dũng đem quân vào cứu, nhưng mới đến Quảng-ngãi thì gặp đại-binh Nguyễn-văn-Thành chặn đường, đánh giữ, nên không vào cứu thành Qui-nhơn được.

(5) Xin đón coi « Võ-Tánh » ở một số sau.

Da hạn gửi bài thi lịch-sử do Tri-Tân tổ-chức

Tri-Tân có mở cuộc thi lịch-sử (coi thể-lệ ở số 5, trang 10). Nhiều bạn viết thơ tỏ ý hưởng ứng nhưng muốn da hạn gửi bài cho được rộng-rãi hơn để có đủ thì-giờ mà khảo-cứu thật kỹ-lưỡng.

Chiều ý các bạn, Tri-Tân xin da thêm kỳ-hạn: *Hạn nhận bài kể từ nay đến 31 Décembre 1941* mới hết. Vậy xin mời các bạn dự thi thật đông cho. — T. T.

SẮP CÓ BÁN

NGƯỜI LỊCH THIỆP

Đặc-san của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Một cuốn sách không ai bỏ qua được.

Một cuốn sách mà ai cũng phải có ở đầu giường.

Một cuốn sách mà ai cũng ưa đọc.

Dày trên dưới 150 trang, bìa hai màu, in mỹ-thuật, giá 0p.55

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh chuyện s tử Việt-Hán

Dầy độ 300 trang

Giá 1p.40

BÁN GẦN HẾT

QUỐC SỬ ĐÍNH NGOA

Được dư-luận báo-chí hoan-nghênh nhiệt-liệt

Giá 0p.50

Thư và mandat để M LÊ-VĂN-HÒE 16 bis Rue Tiên-Tsin — Hanoi

LỦY ĐỒNG - HỚI

Tiếp theo và hết

Nhưng nếu quân Trịnh lũng-mãnh hơn, dưới nước, thủy-quân phá được bức rào ở cửa sông Nhật-Lệ, theo giòng sông ngược lên, phá chiến thuyền bên địch, rồi trợ-lực cho lục-quân : ở trong đánh ra, ở ngoài đánh vào, lục-quân có thể vượt qua trường-lũy Đồng-Hới theo đường quan-báo kéo xuống phía Nam. Cách một quãng, có một đồn binh hiểm-yếu, ở giữa thành Quảng-Bình thuộc-địa phận xã Võ-xá ngày nay. Đồn binh này là Dinh-Mười, địa-thế rộng tới vài cây số, lại có nhiều quan-ải phòng-thủ về mặt bắc và mặt nam.

Năm 1648, quân nhà Trịnh đã chiếm được Dinh-Mười và lũy Đồng-Hới.

Tuy vậy, quân họ Trịnh chưa phải là toàn-thắng, chưa chiếm được cả miền Nam, vì phía tây, còn thành Trường-Dục là một cái trở-lực cho việc tiến quân của họ Trịnh để nhất-thống sơn-hà.

Xem như thế thì những cơ-quan phòng-thủ của Đào-duy-Từ rất là kiên-cố. Tuy quân nhà Trịnh thắng được nhiều trận oanh-liệt, nhưng gặp cái đồn-lũy miền Nam, những chiến công ấy đều là công dã-tràng se cát.

Vì vậy họ Nguyễn vẫn riêng một sơn-hà, thảnh thơi ngoài cõi, ấy một phần to nhờ tài thao-lược của Đào-duy-Từ đã một đời tận-tụy báo đền ơn Chúa !

Kể từ năm Đinh-mão (1627) đời vua Lê-thần-Tôn đến năm Nhâm-tí (1672) đời vua Gia-tôn, vừa 45 năm, họ Trịnh, họ Nguyễn đánh nhau cả thảy 7 lần. « Đinh-mão - (1627) : - Canh - ngọ (1630) ; - Ất-hợi (1635) ; - Mậu-tí (1648) ; - Ất-vị (1655) ; - Tân-sửu (1661) ; - Nhâm-tí (1672), mà lần nào hai bên cũng đem toàn lực để chống nhau dưới thành Đồng-Hới : Trịnh thì muốn chiếm mà Nguyễn thì muốn hết sức giữ lũy Đồng-Hới là một nơi kiên cố trong chiến - tuyến miền Nam. Năm 1848, Trịnh-Tráng đã thắng một trận oanh-liệt, kéo quân vào đóng ở Võ-xá, trong thành Quảng - Bình, chiếm đồn Dinh-mười và lũy Đồng-Hới, nhưng chẳng bao lâu, quân Nguyễn lại khôi-phục được địa thế.

Trong 7 trận, họ Nguyễn chỉ ra đánh họ Trịnh một lần, còn họ Trịnh 6 lần đem quân vào miền Nam. Binh-lực họ Trịnh tuy hơn họ Nguyễn, song quân Bắc phải đi xa, mỏi mệt, lại không hợp thủy-thổ, còn quân Nguyễn thì đánh ngay ở đất nhà mình, có đồn lũy chắc chắn như Trấn - Ninh, Đồng-Hới, Trường-Dục, cái thế « dĩ dật đãi lao » đã giúp quân Nguyễn vẫn riêng một chốn sơn-hà.

Năm 1672, Trịnh - Tạc lấy sông Linh-giang phân giới hạn Nam, Bắc và đình việc chiến-tranh.

Tuy đình-chiến một trăm năm, mà chúa Nguyễn không hề xao nhãng việc sửa sang lũy Đồng-hới.

Tháng chạp năm Canh-thìn (29 Décembre 1700 27 Janvier 1701) Tổng-phúc-Tài làm nội hữu cai-cơ cùng văn - chức Trần-đình-Khánh được chúa Nguyễn cử vào kinh-lý Quảng-bình và Bố-chính, khi về, dâng biểu xin sửa sang lũy Đồng-hới. Chúa Nguyễn sai thế-tử Diêu hiện làm Ngoại-tả tước Chưởng-dinh và Thủ-hợp Nguyễn-khoa-Chiêm cùng Tổng-phúc-Tài và Trần-đình-Khánh phải mộ dân phu và đem binh sĩ vào sửa sang chính-lũy Đồng-hới, từ núi Đâu-mâu đến hà-khẩu Nhựt lệ.

Tháng ba năm 1710, chúa Nguyễn sai sửa sang thành-quách, cầu cống, đường xá ở hai dinh Lưu-đồn và Quảng-bình theo dọc lũy Đồng-hới (ở giữa và phía Nam tỉnh Quảng-bình bây giờ).

Tháng tư năm ấy, chúa Minh - Vương tới thăm lũy Đồng-hới.

Tháng chín năm 1713 (19 Octobre — 17 Novembre), chúa Minh-Vương lại thân-chinh đến ba doanh Bố-chính, Lưu-đồn và Quảng-bình thăm các cơ-quan quân-sự.

Mãi đến năm 1774, tức là sau một trăm năm đình chiến, nhân trong Nam có quyền thần Trương - Phúc - Loan chuyên-chính ở trong, Tây-Sơn đánh phá ở ngoài, chúa Trịnh-Sâm

bèn sai đại-tướng Hoàng-Ngũ-Phúc đem thủy-bộ hơn 3 vạn quân vào đất Bố-chính để đánh họ Nguyễn.

Hoàng-Ngũ-Phúc sang sông Linh-giang, sai Hoàng-Đình-Thể đem binh đánh lấy lũy Trấn-ninh. Phá được Trấn-ninh rồi, quân Trịnh tiến xuống đóng ở làng Hồ-xá (phía Bắc tỉnh Quảng-trị), đánh lấy lũy Đồng-hới, rồi chiếm cả tỉnh Quảng-bình. Trấn-thủ Quảng-bình là Liêm-Chính và Thống-Xuất đạo quân Lưu-đồn là Tống Hữu-Trường bỏ chạy.

Rồi tiến xuống miền Nam, quân Trịnh chiếm được thành Phú-xuân,

Nhà Nguyễn phải lánh nạn vào miền Nam,

Chẳng bao lâu, quân nhà Trịnh bị Tây-Sơn đánh đuổi.

Nguyễn-Ánh lánh sang Tiêm-la, sau đem quân về đánh Tây-sơn để khôi-phục lại giang-sơn.

Sau nhiều chiến-công thắng-lợi, Nguyễn-Ánh tiến lên miền Bắc,

Nguyễn-Văn-Trương được cử phòng-thủ lũy Đồng-hới cùng Tham-tri Lại-bộ Phạm-Như-Đăng cai-trị tỉnh Quảng-bình.

Quân Tây-sơn đóng ở Hà-Trung phía nam Hà-Tĩnh, đánh các đồn-ải Hoành-sơn, rồi kéo xuống đánh lũy Đồng-Hới.

Nửa phần quân Nam tử-trận! Nguyễn văn Trương hết sức kháng-chiến và cố-thủ, đắp lại lũy Đồng-hới để phòng ngữ quân địch.

Sau đó lại xảy nhiều trận ở dọc lũy Đồng-hới, tháng giêng năm Nhâm-tuất (3 Février 1802), quân Nguyễn-quang-Toản bị thua ở Nhật-lệ. Nguyễn-Ánh qua lũy Đồng-hới, ra lấy Bắc-kỳ. Quang-Toản bị bắt, đóng cũi.

Nguyễn-Ánh nhất thống ba kỳ, lên ngôi Hoàng-đế, đặt niên-hiệu là Gia-long (1802).

◆

Năm 1821, vua Minh-mạng qua Đồng-hới, nghĩ đến chiến-sĩ đã bỏ mình vì nước, bèn truyền xây đài kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ và làm lễ quốc-tế.

Rồi, theo dọc lũy Đồng-hới, vua Minh-mạng cắm thành Đồng-hới như ngày nay: cách 150 thước tây, nhà vua cho xây Quảng-bình-quan và, về đầu lũy phía tây, xây Võ-thắng-quan. Hai cửa quan này, một cái thông ra quan-lộ, một cái thông ra đường núi. Lũy Đồng-hới được sửa-sang lại: Từ hải-khẩu Nhật-lệ đến sông Lê-kỳ đều xây bằng đá. Vua Minh-mạng trung tặng ba vị công-thần đã có nhiều công trong việc chống nhau với nhà Trịnh: Đào-duy-Từ, sáng-tạo ra lũy Đồng-hới, Nguyễn-hữu-Dật đã trùng-tu và đem hết dũng-lược cố-thủ lũy Đồng-hới, đều được trung-tặng Khai quốc công-thần tước Quốc-công.

Năm 1842, vua Thiệu-trị qua Đồng-hới, truyền Công-bộ thượng-thư hiệp cùng các quan bản tỉnh phải sửa chữa những đoạn trường-lũy bị thời gian làm hư hỏng; Lễ-bộ thượng thư phải sửa lễ tế trận-vong tướng sĩ tại hải-khẩu Nhật-lệ và trong toàn hạt, có cuộc thao diễn của thủy-quân tập cho quen địa thế và chiến lược. Lũy Đồng-hới từ đó được thay tên là *Định-Bắc trường-thành.*

Tuy có cuộc trùng-tu như thế nhưng thành Đồng-hới về sau cũng không giúp ích gì trong việc phòng thủ.

Năm 1885, một đạo binh Pháp theo tiếng kèn, dịp trống rầm-rộ kéo vào thành Đồng-hới, như vào một nơi bình địa dễ dàng. Đó là dấu chấm hết trên trang chiến-sử của lũy Đồng-hới. Từ đó trường lũy và thành Đồng-hới không còn một công dụng gì trong việc chiến thủ nữa. Đá, gạch cứ dần dần từ biệt cố lũy để dùng vào việc xây các dinh thự quan trọng và ích lợi cho đương thời.

Rồi « thương-hải biến vi tang điền », chẳng bao lâu theo thời gian, trường lũy Đồng-hới chỉ là một cái tên không, sẽ không còn một di-tích của một cơ quan quân-sự vĩ đại xưa đã từng có một quan hệ lớn lao trong lịch-sử hai triều Nam, Bắc!

Nhật-Nham

Cải-chính

T. T. số 9. — *Bài Lạc-vương* (tr. 3, c. 1): bố chính, sửa là *bồ-chính* *Lũy Đồng-hới* (tr. 13, c. 2, dòng 19): « ...để ngăn chiến-*thuyền*... » sót chữ *thuyền*; *Tiếng hồ* (tr. 15, c. 2): « ...vung trong tôi », sửa lại « ...vung trong *tối* »; Đốt sách khiêu dâm (tr. 18, c. 2, d. 9): « phải kiểm điệm... » sửa là « ...kiểm *điểm*... » Văn Tản đà (tr. 19, c. 2) « ...Bày chi giăng gió cho người gió giăng », sót hai chữ *gió giăng*; trang 14, cột 1: đất *đai*..., chứ không phải đất đại...

Chuyện thơ

Vì đâu rẽ thúy, chia loan

NHỚ nhung tràn ngập cả tâm hồn. Thiếu phụ đang dệt cửi, bỗng ngừng tay thoi lại, buông mắt ra ngoài sân, đăm đăm theo cõi xa xăm, man-mác...

Trên cành mận « thêu » hoa trắng toát, chim khách mỉa mai...

Nàng thấy mận nở, lầm nhầm nhớ ra rằng từ ngày chồng nàng lên Kinh du học, thấm thoắt đã bốn xuân qua !

Phải, từ năm Mão đến nay là năm Ngọ, cây mận trước cửa nhà nàng đã bốn độ trổ hoa trắng !

« Bốn độ mận nở, bốn độ xuân qua »! Nàng nhắc đi lắp lại mãi tám tiếng ấy trong trí ! Rồi bất giác cảm xúc, nàng thờ thẫn bước ra khỏi khung cửi, vào trong phòng, cầm chiếc gương « tư mã » lên soi. . . Một buồn rười rượi chiếm cả tim nàng !

Khoanh hai tay đặt trên án thư bên chồng sách không cao mấy, rồi gục đầu xuống hai mu bàn tay trắng nuốt, xinh xinh, nàng tức bực vì tiếng chim khách vẫn cứ nhai nhải mai mỉa !

Uể oải ngẩng lên, nàng rút khăn hấm lệ hoen trên gò má hồng hồng mịn màng, nàng như sực nhớ ra, vội tìm lấy vật gì để cố chữa trong cơn côi-quạnh lạnh lùng này, lấy chút khuây khỏa.

Nàng lần dở một quyển sách, tìm lấy bức thư và bài thơ của chồng nàng ở Kinh gửi về cho nàng độ nọ. Đọc đi đọc lại bức thư mấy lượt, nàng ràn rụa nước mắt, phần thương hại cho chồng t đặt mấy khoa vẫn chưa trả xong cái nợ đèn sách ; phần hờn tủi phận mình, cứ mỗi lần mận nở, cái xuân xanh mình lại vùn vụt bay đi !

Khi xem đến bài thơ của chồng, nàng bật nảy ra một thơ tứ rất nồng-nàn, rất lý-thú...

Rồi nàng nhúng but, lấy mực, cứ đầu mỗi câu thơ ngũ ngôn tuyệt cú của chồng, nàng lại viết thêm vào hai chữ nữa làm thành ra bài bốn câu bảy chữ, trước để giải buồn, sau để tỏ tình nhớ chồng xa vắng :

« Thiếp như »... bạch nhật mạc nhàn quá !
« Quân tư » .. thanh xuân bất tại lai !
« Tự cổ »... song tiền cần khổ độc :
« Kỷ nhân ». . mã thương cam y hồi ?

DỊCH :

« Thiếp như »... ngày trắng vụt sao đành !
« Chàng tựa » . xuân qua dễ lại xanh ?
« Đời thủa » .. bên song, chăm cặm-cụi,
« Mấy ai »... về ngựa, gấm vung-vinh ?

Đầu mỗi câu, nàng thêm vào hai chữ như thế, thật tài-tình : vì đối trái lại hẳn với ý trong nguyên-văn bài thơ của chàng thư-sinh lảo-đảo trường-ốc :

Ngày trắng vụt sao đành !
Xuân qua dễ lại xanh ?
Bên song, chăm cặm-cụi :
Về ngựa, gấm vung-vinh !
(Bạch nhật mạc nhàn quá,
Thanh xuân bất tái lai.
Song tiền, cần khổ độc :
Mã thượng, cẩm y hồi !)

Giá bài thơ « khéo chữa » ấy của chị vợ tai-hoa kia được lọt vào mắt anh chồng biết « nịnh đầm », biết thương tài yêu nết, thì nó là một bông hoa đáng nâng - niu, đáng quý - báu khi đôi uyên-ương, sau này, cùng nhau chắp cánh tung bay giữa bầu không-khí yêu-đương, thanh-nhã.

Đằng này không ! khi về nhà, thấy bài thơ chữa lại kia, anh chồng liền cho rằng chị vợ « hay chữ » ấy có cái tâm tình bất chính, nên mới thốt ra cái giọng nửa như chế riễu, nửa như mỉa-mai !

Án phụ tình đã treo rõ ở cửa công !

Người xưa thi-thào : « Chia loan, rẽ thúy chỉ vì thơ ! » Chúng ta ngày nay phàn - nàn : Chỉ vì anh chồng không hiểu vợ, không hiểu thơ, nên mới có « chuyện thơ tình phụ » !

SONG-CÔI

Sứ-bộ Tây-ban-nha (Espagne)

tiếp theo trang 3

ra Huế, người ta có thể nói rằng chánh-phủ Pháp đã hoàn-toàn ưng thuận cho sứ bộ thương-thuyết với Nam-triều.

●

Cuộc thương-thuyết ấy kéo dài hơn ba tháng và đã đăng kết quả mỹ mãn.

Thương-ước ký giữa hai nước Việt, Tây định rành mọi sự giao-dịch về thương-mại giữa Việt-Nam và Phi-luật-Tân. Ngoài ra còn phụ thêm một hiệp-ước qui-định việc đem nhơn công Việt-nam sang các thuộc địa Tây ban - Nha nhất là sang đảo Cuba.

Tháng giêng năm Canh - thìn (Février 1880) sứ-bộ Ordonez về tới Saigon và trong hạ tuần tháng đó chiếc thông-báo hạm « Marques Del Duero » chở sứ-bộ, dời bến Saigon, sang Vọng - các, kinh đô nước Xiêm. KHUÔNG-VIỆT

(Viết theo báo « Ere Nouvelle » và « Indépendant de Saigon » từ tháng Juin 1879 đến tháng Février 1880)

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 9

VĂN-Khuê ngồi trầm ngâm không nói.

Lặng một lát, nàng hỏi giật :

— Hay là chúng ta quay về với Lê ?

Văn-Khuê đương đôi mắt đỏ ngầu nhìn nàng và biện bạch :

— Không được ! Đành rằng Mạc-hoàng vô đạo, quên cả nghĩa vua tôi, chủ tâm lừa dối hãm hại chúng ta, thù ấy tất không thể cùng chung sống ! Nhưng còn thân-phụ ta, một lòng trung dũng, trọng nghĩa, quên mình, tấm thân già đương xông pha nơi mũi tên, ngọn mác. Ta không thể để ngài nghi ngờ ta, mà buộc tội ta là *bất hiếu, bất trung* được. Bây giờ nhất đán ta sang Lê, thì còn mặt mũi nào trông thấy ngài nữa ? Không ! không thể được !

Trong phòng lại im lặng. Hai người đều mải nghĩ ngợi... Một lúc sau, Bạch-y nương nói :

— Hay là thế này : Ta đem quân bản-bộ vào đóng ở Gia-viễn, nơi quê nhà ở đấy mọi người đều mến phục chúng ta. Nếu có nguy-cấp, ta có thể mộ quân ngay trong vùng. Như vậy ta được lưỡng-lợi, vừa có thể cự mệnh triều-đình, vừa vẫn không phải theo Lê. Rồi ta dâng thư bày rõ ẩn-tình và tấm lòng ngay thẳng của ta...

Văn-Khuê mừng quá, reo lên :

— Diệu kế ! Diệu kế ! Phu-nhân thật là cao kiến. Vậy phu-nhân viết ngay thư đi, để phái người lập tức đem dâng thân-phụ. Từ đây đến chùa Thiên-xuân (1) không xa mấy, phi ngựa độ non ngày đường. Còn tôi, tôi ra thăm các quân-sĩ, truyền lệnh tối hôm nay nhổ trại vào Gia-viễn.

Văn-Khuê đi rồi, Bạch-y nương đem giấy bút ra, mài mực, viết bức thư gửi về Tướng-công Nguyễn-Quyện. Thư rằng :

« Trăm lạy thân-phụ,

« Đứa con bất-hiếu này đập đầu trăm lạy dâng lên thân-phụ mấy lời thành-thực : Phận nữ-nhi đã không đền được ơn các-dục, việc quốc-gia còn gây nên những nỗi đau lòng, Trông lên hồ bóng, nói lại thẹn lời. Nhưng sự thực cần phải nói, dù bùa dìu quở trách, con cũng cam tâm !

« Nguyên mới đây ba hôm, ở Kinh đã có một việc rất đê-hèn. Hoàng-Thượng và Đông-cung Hoàng-hậu đã lừa con vào cung, rồi Hoàng-Thượng nhốt con rất lâu ở trong phòng, toan bề nài hoa ép liễu, Nhưng con không chịu, cực lực cự tuyệt. Sau con phải phá cửa, thoát thân. Khi chạy ra ngoài rồi, con còn văng-vẳng nghe thấy Hoàng-Thượng dọa giết chồng con. Con nghĩ : cứ ở Kinh tất chẳng yên nào, nên đêm hôm ấy, con phải mạo-hiểm trốn vào với chồng. Đến nơi, con đã thấy có chế-lệnh triệu chồng con về. Con biết mối ngay-cơ rất lớn, nên bàn cùng chồng con dời bản-bộ vào Gia-viễn, không tuân mệnh-lệnh Triều-đình. Chịu tiếng bạn-nghịch, để tự toàn, thật là kế cùng bất-đắc-dĩ, chúng con nào muốn vậy ! Con trộm nghĩ : gái trinh không đổi hai chồng, tôi chung không thờ hai chúa, chẳng qua vì người ta bức-bách nên mới không thể chấp kinh mà phải tòng quyền như thế này : trước để thoát thân, bảo-toàn lấy danh tiết ; sau để chiếm địa-lợi, chống với quân Lê.

« Vậy lạy xin cha già soi xét rõ nỗi khổ tâm và ban bảo cho đứa con hèn ở phương giời đợi mệnh.

« Hoàng hiệu Hưng-trị thứ ba, năm Canh-dần, tháng chín, ngày hai mươi sáu.

« Bất-tiếu-nữ : Thị-Niên tay viết, trăm lạy dâng :

Thân-phụ, Đương Triều Thừa-tướng Thượng-tể, Thường-quốc-công, Tổng-thống Tiết chế Thủy Lục chư quân Nguyên. . . . phủ hạ mở xem ».

●

Đêm hôm ấy, Thủy-quân bản-bộ của Bùi văn-Khuê nhổ trại, băng thuyền về đóng ở Hoàng giang từ Chi-phong ở Gia-viễn đến Dương-vũ ở Yên-khang (Yên-khánh bây giờ).

IV

Năm Nhâm-Thìn, niên-hiệu Hồng ninh thứ hai (1593).

Hơn một năm qua, Vợ chồng Văn-Khuê vẫn yên ổn ở Gia Viễn, chỉ phải thỉnh-thoảng chống nhau soàng với những đội quân lẻ-tẻ của bên Lê đến khuấy nhiễu. Còn đại đội Trịnh-Tùng đã đem cả ra mạn Sơn-Tây tiến gấp xuống Kinh-thành. Bên Mạc, suốt một năm giời, đại quân thua luôn ở Sơn-tây. Mậu hợp phải thân ra đốc quân ở Phấn thượng. Mạc Ngọc-Liễn và Nguyễn-Quyện chia quân ra hai mặt đông bắc, tây-nam để chống giữ Thăng-long. Vua Mạc không rồi thì-giờ hỏi đến « tội » vợ chồng Văn-Khuê nữa.

Một buổi sáng cuối xuân. Vòm giời còn phảng-phất khí mù trắng toát của những dãy núi xanh xanh liên-tiếp. Cảnh vật lặng-lờ. Trong trại Bùi tướng-quân, quân lính đang thổi cơm sớm. Bốn lính canh dẫn đến huy-hạ (2) ba người ăn mặc võ-phục rất gọn-gàng. Bạch-y nương nhận ra trong bọn một viên tiểu-tướng của Nguyễn-Quyện mà nàng rất quen. Nàng vui vẻ hỏi ngay :

— À kìa, Trần tướng-quân ! Vui nhỉ, tướng quân đã đến đây với

chung tôi ! Chắc là có lệnh của Nguyễn tướng-Công ?

Trần-Nghiêm — tên vị tiểu-tướng ấy chưa kịp đáp lại, thì một người trong bọn đã đỡ nhời :

— Bẩm các-hạ cùng lệnh-bài chúng tôi sở dĩ đến đây là theo mệnh-lệnh của Nguyễn tướng-công và mệnh-lệnh của chủ-tướng chúng tôi là Lê-triều Đô-tướng tiết-chế thủy bộ chư dinh, kiêm tổng nội, ngoại binh hương quân-quốc trọng-sự Trịnh tướng-Công.

Văn-Khuê ngạc-nhiên, chau mày hỏi :

— Các ông nói thế nào vậy ?

— Bẩm các-hạ, chủ-tướng chúng tôi và Nguyễn tướng-công từ Thang-long về qua đây, tiện có bức thư dâng các-hạ.

Nói xong người ấy đệ bức thư đặt lên án.

Văn-Khuê mở ra xem. Thư như sau :

« Lê-tri Đô-tướng tiết chế chư quân Trịnh...

« Kính gửi Thủy-quân đại-tướng Bùi...

«Nhà Lê lại dấy, lòng người đều theo. Giời đã làm mất nhà Mạc, chứ không phải việc người. Làm kẻ tuấn-kiệt cần phải thức thời, hiểu lẽ hưng vọng *mà xử thế. Nay Tướng quân chiếm một góc rừng cô quân tự giữ. Về với Mạc, thì cuộc sắp tàn ; chống với Lê thì thật sức không đủ. Mai kia bản súy lược định Thăng Long, thu phục cả thiên-hạ, đem đại đội đánh vây bốn mặt : Tướng-quân lúc ấy nghĩ sao ? Ngày nay, cái kế vạn toàn của Tướng-quân không gì hơn là đem quân theo Lê cùng chúng tôi cùng hưởng lợi lạc, Sự lý rành rành như kia bực minh-triết ai là không nhận thấu ? Huống chi Tôn-đường Nguyễn tướng công đã cùng cả gia-quyến theo về với Lê-triều rồi thì tướng-quân còn do-dự làm chi nữa ?*

« Hoàng hiệu Quang Hưng (3) thứ mười lam, năm Nhâm thìn, tháng ba, ngày mười sau.

« Lê-triều Trịnh... Tiết chế thủ thư».

Văn-Khuê xem xong-thư, đưa cho Bạch-y nương rồi hỏi sứ-giả :

Trịnh-công bây giờ ở đâu ? Các ông lấy gì làm chắc rằng Nguyễn tướng-công ta đã về với Lê. ? Ta không bao giờ mắc lừa các ông. Dù Nguyễn tướng-công có về Lê thật rồi đi nữa, ta cũng vẫn một lòng không đổi, thì các ông nghĩ thế nào ?

— Chủ-tướng chúng tôi về Thanh rồi. Muốn chứng thực rằng Nguyễn tướng-công đã về Thanh với chủ tướng chúng tôi thì đã có Trần tướng-quân đây. Còn hiểu lẽ giời mà về Lê hay không, cái đó tùy ở các-hạ, chứ chúng tôi biết sao được !

Bạch-y nương thấy nói vậy, liền quay hỏi Trần-Nghiêm :

— Thân-phụ ta đã về Lê thật rồi à, Trần tướng-quân ? Duyên cớ làm sao vậy ?

— Bẩm phu-nhân, vâng, hiện tiểu-tướng cũng theo Tướng-công, được Trịnh Đô-tướng cử vào sứ-bộ, nên tiểu-tướng mới có dịp vào phu-nhân và các hạ ở đây. Xin dâng bức thư của Văn-xương-hầu.

Bạch-y nương đỡ lấy bức thư bóc ra xem Thư rằng :

« Thưa chị,

— « Đường cùng, vận kiển, khó tránh số giời. Cả nhà ta nay đều tan tác. Hai anh Bảo-Trung, Nghĩa-Trạch đều bị chết ở Cầu-Giền, phường Hồng-mai ; cha và em bị bắt theo quân Trịnh đô-tướng. Vậy báo tin để chị biết.

« Năm Nhâm thìn, tháng ba, ngày mười hai.

« Em : Nguyễn-Tín lậy dâng.

« Chị Bạch-y nương mở xem ».

Bạch-y nương nhận rõ nét chữ em mình, bất giác thất kinh kêu lên rằng :

— Giời ơi ! Sự thế lại đến thế ư ? Hai anh ta bị chết trận. Cha và em bị bắt vào Thanh ?

Rồi nàng hỏi Trần-Nghiêm tình hình thua trận ở Cầu Giền thế nào. Trần ngẫm nghĩ một lát, rồi thưa :

— Khi ấy, quân Lê kéo qua sông Tô-Lịch, chiếm cầu Nhân-mục. Tướng công cùng Khiêm-vương Mạc kính Điển chia quân giữ thành, Tướng-công đặt phục binh ở Cầu-Giền. Quân của Trịnh đô-tướng đánh hang quá, đục lũy, lên thành, pha vỡ ba lần cửa thành ngoài, đốt các phố xá Đại quân ào-ào tiến như thác. Phục binh không kịp dậy đã tán loạn. Hai công tử Bảo-Trung, Nghĩa Trạch bị chết ngay tại trận. Tướng-công với tiểu tướng cũng bị bắt giải về dưới trướng. Trịnh đô-tướng cởi trói cho tướng-công, mời lên thượng toa, lạy hai lạy rồi hỏi kế trừ nhà Mạc Tướng-công đáp : « Ông tướng đã thua, không còn nói hay. Giời đã làm mất nhà Mạc. Anh-hùng không phải dùng sức ! »

Với giọng thương cảm, Trần Nghiêm nghẹn ngào một lát, rồi tiếp :

— Rồi Tương-công bảo phá bung cái lũy ngoài thành Đại la, để quân Mạc không còn chỗ giữ. Trịnh-công liền cho tram quân phá hào lũy ở ngoài san phẳng làm đất bằng dài đến vài nghìn trượng. Bây giờ Trịnh công rước Tướng công cùng về Thanh rồi !

Bạch y nương lại hỏi

Thế Mạc Hoàng lúc ấy đâu ?

Bẩm, Hoàng đế sang sông, chạy về Gia lâm từ lúc quân Lê đến cầu Nhân mục. !

Văn Khuê vừa nghĩ vừa nghe chuyện, lúc ấy mới bảo sứ-bộ :

— Các ông về trình với Trịnh công rằng : Ta đã nghĩ kỹ rồi. Ta sống cũng ở đây và chết cũng ở đây !

Khi sứ bộ đi rồi, Văn Khuê cười bảo Bạch y nương :

Làm vua như Mạc-hoàng thế đấy ! Lúc bình thường thì muốn chiếm đoạt hết hạnh-phúc của người ta. Đến khi giặc vào thành thì bỏ chạy trước !

●

(1) Chùa Thiên xuân ở trên Sông Đáy thuộc làng Hương xuân, huyện Thanh Oai

(2) Hạ hạ là dưới cột cờ của ông tướng.

(3) Niên hiệu vua Thế Tôn nhà Lê

Còn nữa

CHU THIÊN